

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP



BẢN CÁO BẠCH CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700255880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02/02/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 20 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/10/2025)



TON DONG A NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

(Quyết định đăng ký niêm yết số 379/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 10 năm 2026)

Bản cáo bạch này và các phụ lục của Bản cáo bạch sẽ được cung cấp tại địa điểm dưới đây từ ngày/...../.....:

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT:

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (0274) 373 2575

Fax: (0274) 379 0420

Website: www.tondonga.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Vinh Phước

Chủ tịch Hội đồng Giám đốc – Người đại diện pháp luật

Đông Á 373 2575

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á
DN: C=VN, S=Hồ Chí Minh, L=DĨ AN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST: 3700255880
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026.10.19 14:23:32+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.0

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3700255880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02/02/2009, thay đổi lần thứ 20 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/10/2025)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

- **Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty cổ phần Tôn Đông Á
- **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
- **Mã cổ phiếu:** GDA
- **Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết:** 149.098.851 cổ phiếu
(Bằng chữ: Một trăm bốn mươi chín triệu không trăm chín mươi tám nghìn tám trăm năm mươi một cổ phiếu)
- **Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký niêm yết theo mệnh giá:** 1.490.988.510.000 đồng
(Bằng chữ: Một nghìn bốn trăm chín mươi tỷ chín trăm tám mươi tám triệu năm trăm mười nghìn đồng)
- **TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**
CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM
Địa chỉ: Tầng 20, Tòa Bitexco Financial Tower, Số 02 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3824 5252 Fax: (028) 3824 5250
Website: https://www.ey.com/vi_vn
- **TỔ CHỨC TƯ VẤN:**
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (HSC)
Địa chỉ: Tầng 2,3,5,6,7,11 và 12, tòa nhà AB, 76A Lê Lai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3823 3299 Fax: (028) 3823 3301
Website: www.hsc.com.vn

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG.....	6
I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	7
1. Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.....	7
2. Tổ chức tư vấn.....	7
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	8
1. Rủi ro về kinh tế	8
2. Rủi ro về chính sách pháp luật.....	13
3. Rủi ro đặc thù.....	14
4. Rủi ro quản trị Công ty	19
5. Rủi ro khác.....	19
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	20
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT.....	22
1. Thông tin chung về Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết	22
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết	23
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết	29
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết	30
5. Thông tin về Công ty mẹ, Công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối:.....	33
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết	39
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết tại các doanh nghiệp khác	43
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành	44
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	46
10. Hoạt động kinh doanh	47
11. Chính sách đối với người lao động	96
12. Chính sách cổ tức.....	98
13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.....	99
14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và việc niêm yết cổ phiếu.	99

15. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích	99
16. Thông tin về việc Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, người đại diện theo pháp luật của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không bị xử lý vi phạm trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Điều 12 Luật Chứng khoán năm 2019 và khoản 5 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15.....	100
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH	101
1. Kết quả hoạt động kinh doanh	101
2. Tình hình tài chính	107
3. Ý kiến của Tổ chức Kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết	124
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức	125
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG	129
1. Thông tin về cổ đông sáng lập	129
2. Thông tin về cổ đông lớn.....	129
2.1. Danh sách cổ đông lớn (sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết) tại ngày 08/06/2026.....	129
2.2. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ, cổ phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan của họ hiện tại	131
2.3. Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và các cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phiếu phổ thông của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và những người có liên quan của họ	133
2.4. Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết	133
2.5. Cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết:.....	133
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng	133
3.1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị.....	133
VII. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT	167
1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.....	167
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu	167
3. Mã cổ phiếu: GDA.....	167
4. Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết: 149.098.851 cổ phiếu	167



5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký niêm yết:	167
6. Phương pháp tính giá	168
7. Các loại thuế có liên quan.....	169
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT	171
1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN.....	171
2. TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	171
3. Ý KIẾN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT	171
IX. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ.....	171
X. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT.....	172
XI. PHỤ LỤC.....	174

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Cơ cấu doanh thu thuần HN năm 2024, 2025	69
Bảng 2: Cơ cấu doanh thu thuần Công ty mẹ năm 2024, 2025	69
Bảng 3: Lợi nhuận gộp hợp nhất năm 2024, 2025	70
Bảng 4: Lợi nhuận gộp Công ty mẹ năm 2024, 2025	71
Bảng 5: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tại thời điểm ngày 31/12/2025	74
Bảng 6: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tại thời điểm ngày 31/12/2025	75
Bảng 7: Các hợp đồng lớn đã được thực hiện, hoặc đã được ký kết nhưng chưa thực hiện của GDA trong giai đoạn 2024, 2025 đến thời điểm hiện tại	82
Bảng 8: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty hợp nhất năm 2024, 2025	101
Bảng 9: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ năm 2024, 2025	103
Bảng 10: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty (hợp nhất)	109
Bảng 11: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty (riêng lẻ)	111
Bảng 12: Chi tiết các khoản phải trả của Công ty (hợp nhất)	115
Bảng 13: Chi tiết các khoản phải trả của Công ty (riêng lẻ)	115
Bảng 14: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định của Công ty (hợp nhất)	117
Bảng 15: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định của Công ty (riêng lẻ)	119
Bảng 16: Tình hình trích lập các quỹ của Công ty (hợp nhất)	119
Bảng 17: Tình hình trích lập các quỹ của Công ty (riêng lẻ)	120
Bảng 18: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty (hợp nhất)	120
Bảng 19: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty (riêng lẻ)	121

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Ông Nguyễn Thanh Trung	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Đoàn Vĩnh Phước	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà Trần Lệ Xuân	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông Hoàng Duy Nhất	Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát.

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật (hoặc đại diện được ủy quyền):

Ông: Phạm Ngọc Bích Chức vụ: Giám đốc Điều hành

(Theo Văn bản Ủy quyền số 12-2022/VBUQ-HSC ngày 25 tháng 04 năm 2022 của Người đại diện theo pháp luật Công ty cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh).

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu do Công ty cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ tư vấn số 21-2025/HĐDV-HSC-TCDN ngày 04/10/2025 với Công ty cổ phần Tôn Đông Á. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Tôn Đông Á cung cấp.

[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Công ty cổ phần Tôn Đông Á là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động tại Việt Nam chủ yếu trong ngành tôn. Các hoạt động trong lĩnh vực này chịu tác động trực tiếp từ biến động của nền kinh tế trong và ngoài nước. Rủi ro kinh tế mà Công ty thường xuyên phải đối mặt được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô, trong đó các yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh là i) tốc độ tăng trưởng kinh tế; ii) tỷ lệ lạm phát; iii) lãi suất và iv) tỷ giá. Việc phân tích môi trường vĩ mô của nền kinh tế có thể giúp Công ty dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng, thích nghi kịp thời với sự biến đổi và đảm bảo sự vận hành mô hình kinh doanh của Công ty.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Năm 2023, Chính phủ đẩy mạnh đầu tư công nhằm hỗ trợ tăng trưởng khi đầu tư tư nhân và FDI suy yếu. Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu chậm lại, ảnh hưởng đến sản xuất và xuất khẩu, GDP Việt Nam 2023 tăng 5,05%, chỉ cao hơn mức tăng của năm 2020 và 2021. Theo Cục thống kê, khu vực nông, lâm, thủy sản tăng 3,83% (đóng góp 8,84%), công nghiệp – xây dựng tăng 3,74% (đóng góp 28,87%) và dịch vụ tăng 6,82% (đóng góp 62,29%).

GDP năm 2024 tăng 7,09% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2011-2024. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2024 đạt mức tăng trưởng tích cực 3,27% mặc dù chịu ảnh hưởng của thiên tai, bão lũ. Trong đó, sản lượng nhiều nông sản tăng cao, chăn nuôi phát triển ổn định, sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng khá. Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp phục hồi tích cực và tăng trưởng mạnh mẽ so với năm 2023. Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp năm 2024 tăng 8,32% so với năm trước, chỉ thấp hơn mức tăng 8,52% của năm 2022 trong giai đoạn 2019-2024, đóng góp 2,70 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế. Các hoạt động thương mại, du lịch duy trì đà tăng trưởng cao, đóng góp tích cực vào tăng trưởng của khu vực dịch vụ. Giá trị tăng thêm khu vực dịch vụ năm 2024 tăng 7,38% cao hơn tốc độ tăng 6,91% của năm 2023.

GDP năm 2025 tăng trưởng khá với mức tăng ước đạt 8,02% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của năm 2022 trong giai đoạn 2011-2025. Đáng chú ý, nền kinh tế duy trì xu hướng tích cực với quý sau cao hơn quý trước. Riêng quý IV/2025 ước tăng 8,46% so với cùng kỳ năm trước, đạt mức tăng cao nhất của quý IV trong vòng 15 năm qua.

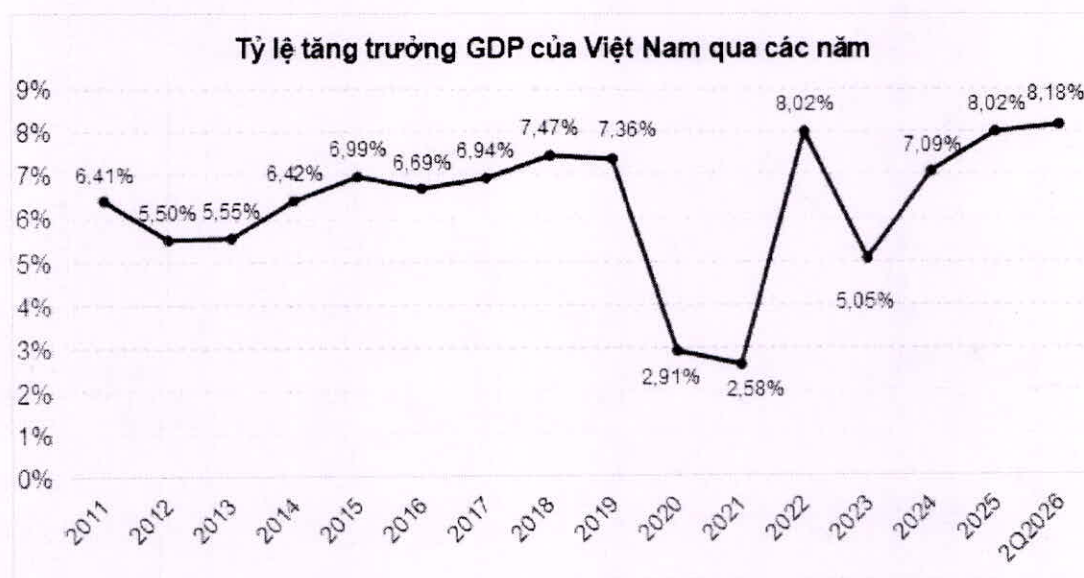
Bước sang năm 2026, nền kinh tế tiếp tục khẳng định đà phục hồi vững chắc. Theo công bố của Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I/2026 ước tăng 7,83% so với cùng kỳ năm trước và tiếp tục bứt phá mạnh mẽ trong quý II/2026 với mức tăng trưởng đạt 8,39% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung sáu tháng đầu năm 2026,

GDP ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng 8,18% (so với mức tăng 7,63% của cùng kỳ năm 2025). Nền kinh tế khởi sắc toàn diện nhờ sự đóng góp tích cực của các khu vực kinh tế: trong sáu tháng đầu năm, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,87% (đóng góp 5,66%), khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,81% (đóng góp 47,20%), và khu vực dịch vụ tăng 8,09% (đóng góp 47,14%). Riêng trong quý I, sự bứt phá của ngành công nghiệp (chỉ số IIP quý I tăng 9,0%, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,7%) kết hợp với tiến độ chi đầu tư phát triển đạt 116,1 nghìn tỷ đồng (tăng 44,6%). Tiếp nối đà đó, sang quý II chỉ số IIP ước tăng 11,2% so với cùng kỳ năm trước. Sự phục hồi mạnh mẽ của công nghiệp chế biến, chế tạo cùng tốc độ giải ngân đầu tư công bứt phá chính là động lực cốt lõi, trực tiếp thúc đẩy sự phục hồi tiêu thụ của nhóm ngành vật tư phụ trợ và công nghiệp hạ nguồn. Nhiều tổ chức, chuyên gia quốc tế tiếp tục đánh giá cao kết quả và triển vọng của kinh tế Việt Nam trong chu kỳ phát triển mới..

Bên cạnh triển vọng tích cực, vẫn phát sinh những hạn chế, khó khăn, thách thức. Trong nước, tình hình sản xuất kinh doanh một số lĩnh vực khó khăn, nhất là chi tiêu đầu vào cho sản xuất; áp lực trả nợ trái phiếu doanh nghiệp đến hạn lớn; nợ xấu chưa có dấu hiệu suy giảm.

Đặc biệt, tình hình khu vực, quốc tế còn nhiều bất ổn, rủi ro, trong đó nổi lên xu hướng bảo hộ thương mại của một số nước lớn, là đối tác thương mại chính của Việt Nam như Hoa Kỳ, có thể làm ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của Việt Nam trong thời gian tới.

Trước những diễn biến phức tạp của nền kinh tế, Công ty không thể đưa ra bất kỳ bảo đảm nào liên quan đến sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong tương lai. Suy thoái của nền kinh tế có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của GDA. Tuy nhiên, GDA chủ động trong việc kiểm soát và nhận diện sớm các rủi ro có thể xảy ra và xây dựng các biện pháp khắc phục phù hợp nhất cũng như không ngừng cải thiện chất lượng sản phẩm, dịch vụ, hoàn thiện hệ thống quản lý nội bộ nhằm giữ vững thị phần trong các lĩnh vực kinh doanh.



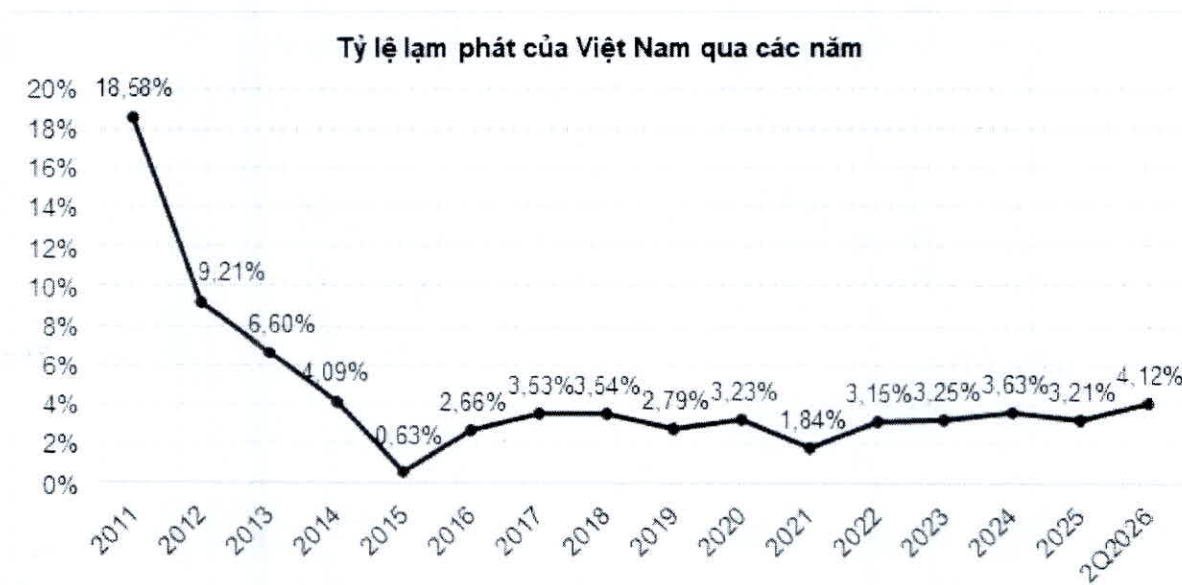
(Nguồn: Cục Thống Kê)

Mức độ lạm phát cao ở Việt Nam có thể ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niên Yết

Năm 2023, lạm phát được kiểm soát khá tốt, CPI tháng 12/2023 tăng 3,58% so với cùng kỳ năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Chỉ số giá nhóm giáo dục tăng 7,44% do một số địa phương tăng học phí năm học 2023-2024 theo lộ trình. Chỉ số giá nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 6,58% do giá xi măng, cát tăng theo giá nguyên liệu đầu vào và giá thuê nhà ở tăng cao. Chỉ số giá nhóm lương thực tăng 6,85% (tác động làm CPI chung tăng 0,25 điểm phần trăm) trong đó giá gạo tăng 6,77% theo giá gạo xuất khẩu. Bên cạnh đó, một số nhóm giúp kiềm chế tốc độ tăng CPI như chỉ số giá nhóm xăng dầu (giảm 11,2%), chỉ số giá nhóm gas (giảm 6,94%), chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,81% do giá điện thoại di động thể hệ cũ giảm.

Năm 2024, CPI tăng 3,63% so với cùng kỳ năm trước trong khi lạm phát cơ bản thấp hơn so với cùng kỳ năm trước ở mức 2,71%. Cả hai chỉ số lạm phát đều duy trì ở mức thấp hơn mục tiêu 4,0 - 4,5% của NHNN cho năm 2024. Lạm phát thấp trong năm 2024 là do áp lực chi phí đẩy và cầu kéo khiêm tốn. Giá hàng hóa ổn định đã giữ lạm phát chi phí đẩy ở mức thấp, trong khi tâm lý thận trọng của người tiêu dùng và tăng trưởng cung tiền chậm hơn (9,42% tính đến ngày 25 tháng 12 năm 2024, so với 10,34% của năm trước) đã kiềm chế lạm phát cầu kéo. Tăng trưởng cung tiền được kiểm soát tốt là yếu tố quan trọng trong việc duy trì CPI thấp và ổn định của Việt Nam kể từ năm 2014.

Theo Cục Thống kê – Bộ Tài chính, CPI bình quân quý IV/2025 tăng 3,44% so với quý IV/2024. Tính chung cả năm 2025, CPI tăng 3,31% so với năm trước, nằm trong ngưỡng mục tiêu dưới 4,5% do Quốc hội đề ra. Lạm phát cơ bản tăng 3,21% so với năm trước. Trong năm qua, áp lực tăng giá đến từ nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng do khan hiếm nguồn cung. Ngoài ra, giá dịch vụ y tế và giáo dục cũng đóng góp đáng kể vào mức tăng chung do lộ trình điều chỉnh học phí và giá dịch vụ khám chữa bệnh, riêng chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông, giao thông giảm.



(Nguồn: Cục Thống Kê)

Đến hết nửa đầu năm 2026, CPI của Việt Nam cho thấy xu hướng tăng rõ rệt, phản ánh áp lực lạm phát ngày càng gia tăng lên nền kinh tế. Cụ thể, bình quân 6 tháng đầu năm, CPI đã tăng 4,38% so với cùng kỳ năm trước, tiến rất sát đến mục tiêu 4,5% được Quốc hội đề ra cho cả năm. Mặt bằng giá trong nước vẫn được kiểm soát tốt và lạm phát cơ bản vẫn được duy trì ở mức thấp hơn (4,12% trong 06 tháng đầu năm 2026) cho thấy các yếu tố tiền tệ cơ bản được giữ ổn định, nhưng đà tăng nhanh của CPI cũng đang đặt ra thách thức không nhỏ trong công tác điều hành giá cả và kinh tế vĩ mô cho nửa cuối năm.

Những biến động về lạm phát sẽ ảnh hưởng ít nhiều đến tình hình kinh doanh và lợi nhuận của GDA trong thời gian tới. Để hạn chế rủi ro về lạm phát, Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro và chủ động có kế hoạch kinh doanh với các nhà cung cấp nguyên vật liệu và có kế hoạch điều tiết giá bán cho khách hàng dựa trên những dự báo về tình hình lạm phát. Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện các biện pháp để tăng cường quản lý chi phí, tìm kiếm nguồn cung ứng nguyên liệu có giá cả hợp lý, tối ưu hóa quy trình sản xuất và vận hành để phù hợp với tình hình thị trường.

Biến động về lãi suất có thể làm gia tăng chi phí vay vốn

Lãi suất là một yếu tố rất nhạy cảm đối với nền kinh tế, ảnh hưởng trực tiếp đến tiết kiệm, và đầu tư, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung.

Rủi ro về lãi suất đối với một doanh nghiệp xuất hiện khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận. Mức rủi ro về lãi suất là khác nhau giữa các ngành tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó. Mức lãi suất càng cao thì doanh nghiệp càng khó khăn trong việc huy động vốn đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh.

Trong năm 2023, NHNN đã điều hành giảm lãi suất để hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế thông qua việc liên tục điều chỉnh giảm 4 lần các mức lãi suất điều hành, với mức giảm 0,5%-2,0%/năm, trong bối cảnh lãi suất thế giới tiếp tục tăng và neo ở mức cao; đồng thời, có nhiều văn bản chỉ đạo, trực tiếp làm việc với các tổ chức tín dụng đề nghị tiết giảm chi phí, giảm lãi suất huy động để giảm mặt bằng lãi suất cho vay. Đến cuối năm 2023, mặt bằng lãi suất đã giảm đáng kể, lãi suất tiền gửi và cho vay bình quân của các giao dịch phát sinh mới bằng VND giảm 2-3% so với cuối năm 2022.

Năm 2024, trong bối cảnh ưu tiên mục tiêu tăng trưởng, NHNN tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng, tạo điều kiện để các tổ chức tín dụng tiếp tục duy trì mặt bằng lãi suất cho vay ở mức thấp, hỗ trợ nền kinh tế. Theo kết quả điều tra của Vụ Dự báo Thống kê của NHNN, tính chung cả năm 2024, các tổ chức tín dụng tăng nhẹ 0,1 điểm phần trăm mặt bằng lãi suất huy động vốn và giảm nhẹ 0,09 điểm phần trăm mặt bằng lãi suất cho vay so với cuối năm 2023.

Giai đoạn năm 2025, NHNN duy trì lãi suất điều hành ở mức thấp để định hướng thị trường giảm lãi suất cho vay hỗ trợ doanh nghiệp và người dân; đồng thời, NHNN thường xuyên chỉ đạo các tổ chức tín dụng tiếp tục tiết giảm chi phí hoạt động, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và các giải pháp khác để phấn đấu hạ lãi suất cho vay. Đến tháng 10 năm 2025, lãi suất cho vay bình quân đạt 6,55%/năm, giảm

0,38%/năm so với cuối năm 2024, trong khi lãi suất tiền gửi bình quân duy trì ở mức 4,22%/năm, ổn định so với cuối năm trước. Tính đến 31/10, lãi suất liên ngân hàng các kỳ hạn trên 1 tháng tăng nhẹ 0,11–0,37%/năm, phản ánh nhu cầu thanh khoản ngắn hạn gia tăng nhưng vẫn trong tầm kiểm soát. Tuy nhiên, từ 12/2025, lãi suất liên ngân hàng tăng vọt ở hầu hết các kỳ hạn (kỳ hạn từ 1 tuần đến 6 tháng nhảy vọt lên mức 7,31% – 8,61%/năm), phản ánh tình trạng căng thẳng thanh khoản ngắn hạn cục bộ dịp cận Tết, buộc Ngân hàng Nhà nước phải liên tục bơm ròng thanh khoản quy mô lớn qua kênh thị trường mở (OMO) để hỗ trợ hệ thống.

Bước sang 6 tháng đầu năm 2026, trước sức ép lạm phát, chính sách tiền tệ buộc phải chuyển dịch sang trạng thái linh hoạt và thận trọng hơn. Dù NHNN nỗ lực điều tiết qua thị trường mở, mặt bằng lãi suất cho vay trên thị trường đã tăng cao hơn đáng kể so với giai đoạn năm 2024 - 2025. Sự thay đổi này tác động trực tiếp đến các doanh nghiệp, đặc biệt là trong các ngành sản xuất có nhu cầu vốn lưu động và vốn đầu tư lớn như ngành giấy. Môi trường lãi suất tăng cao làm gia tăng áp lực chi phí tài chính và buộc các doanh nghiệp phải thắt chặt quản trị về mặt tài chính để cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Biến động lãi suất khó lường giữa các nước trên thế giới và Việt Nam, phần nào làm cho việc dự đoán, đánh giá ảnh hưởng của lãi suất tác động đến doanh nghiệp càng khó hơn. Hiện nay Công ty sử dụng nguồn vốn vay từ ngân hàng, và dự kiến sẽ có thể chỉ sử dụng một lượng vốn vay hợp lý khi Công ty có kế hoạch bổ sung vốn lưu động cho các hoạt động kinh doanh và một tỷ lệ vay dài hạn an toàn cho các khoản đầu tư (nếu có). Đây là cơ cấu vốn rất an toàn nên những biến động của lãi suất (nếu có) đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phần nào sẽ được hạn chế. Công ty luôn thận trọng, cân đối các giải pháp tài chính phù hợp trong quá trình hoạt động để kiểm soát, hạn chế rủi ro lãi suất, cụ thể: kiểm soát hiệu quả chi phí, tìm kiếm các nguồn tài trợ có giá vốn hợp lý phù hợp với mục tiêu phát triển Công ty trong từng thời kỳ.

Biến đổi về tỷ giá

Năm 2024, tỷ giá USD/VND tăng lên mức kỷ lục, với tỷ giá liên ngân hàng chạm ngưỡng 25.485 VND/USD vào cuối tháng 12, tăng 4,6% so với đầu năm. Trong hoạt động kinh doanh của Công ty, nguồn doanh thu và chi phí bằng USD chiếm tỷ trọng đáng kể, chủ yếu từ hoạt động xuất khẩu thành phẩm và nhập khẩu nguyên vật liệu. Việc tỷ giá tăng đã làm gia tăng chi phí nhập khẩu, đồng thời tăng giá trị doanh thu xuất khẩu quy đổi, giúp bù đắp một phần tác động bất lợi. Trong năm 2024, Công ty duy trì tỷ lệ xuất siêu, qua đó phần lớn bù trừ được chênh lệch tỷ giá phát sinh từ hoạt động nhập khẩu nguyên liệu.

Sang năm 2025, diễn biến tỷ giá trong nước và quốc tế có xu hướng trái chiều. Tính đến ngày 31/12/2025, chỉ số USD Index (DXY) trên thị trường quốc tế đạt 98,32 điểm, giảm khoảng 1,2% so với tháng trước, chủ yếu do Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) cắt giảm lãi suất, khiến đồng USD kém hấp dẫn hơn so với các đồng tiền chủ chốt khác.

Tại Việt Nam, theo NHNN, tỷ giá trung tâm ngày 31/12/2025 được công bố ở mức 25.121 VND/USD, tăng 3,23% so với thời điểm cuối năm 2024, chủ yếu do nhu cầu ngoại tệ phục vụ nhập khẩu hàng hóa tăng và tâm lý nắm giữ USD trong bối cảnh NHNN thực hiện chính sách tiền tệ nới lỏng.

Giá đô la Mỹ trong nước biến động cùng chiều với giá thế giới. Chỉ số giá đô la Mỹ trên thị trường quốc tế bình quân tính đến ngày 25/6/2026 đạt mức 100,05 điểm, tăng 1,42 điểm so với tháng trước. Nguyên nhân đến từ việc thị trường kỳ vọng FED tiếp tục duy trì chính sách thắt chặt tiền tệ, trong bối cảnh kinh tế Hoa Kỳ duy trì tăng trưởng và lãi suất ở mức cao, qua đó làm tăng nhu cầu nắm giữ đồng USD. Trong nước, chỉ số giá đô la Mỹ tháng Sáu tăng 0,11% so với tháng trước; tăng 0,57% so với cùng kỳ năm trước; giảm 0,17% so với tháng 12/2025; bình quân quý II/2026 tăng 0,93% so với cùng kỳ năm trước; bình quân sáu tháng đầu năm 2026 tăng 1,75%.

Trước diễn biến khó lường của thị trường ngoại hối, Tôn Đông Á luôn kiểm soát chặt chẽ dòng tiền ngoại tệ, lập kế hoạch thời điểm thực hiện và thanh toán các hợp đồng đầu tư – kinh doanh phù hợp nhằm hạn chế rủi ro chênh lệch tỷ giá ở mức thấp nhất. Đồng thời, Công ty áp dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro tỷ giá, bao gồm sử dụng hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi ngoại tệ (forward/swap) khi cần thiết để phòng vệ trước những biến động bất lợi của tỷ giá.

Song song đó, Công ty chủ động và linh hoạt trong quản trị bán hàng và mua hàng nhằm cân đối giữa thu chi ngoại tệ, kiểm soát rủi ro tỷ giá.

2. Rủi ro về chính sách pháp luật

Các rủi ro về mặt pháp lý sẽ ảnh hưởng rất mạnh đến hoạt động kinh doanh của Công ty, ảnh hưởng đến khả năng điều hành và thực hiện các dự án và ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến dòng tiền cũng như giá trị của Công ty, vì vậy nhà đầu tư cần phải lưu ý các rủi ro liên quan đến luật pháp trước khi quyết định đầu tư vào cổ phiếu của Công ty.

Là Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty được giám sát bởi hệ thống các cơ quan nhà nước bao gồm: Bộ Tài Chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC), Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC), Tổng cục thuế và được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật, các nghị định và các thông tư hướng dẫn liên quan. Trong năm 2024 và năm 2025, Chính phủ ban hành nhiều văn bản pháp luật trong nỗ lực phục hồi nền kinh tế - xã hội, tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản, khơi thông nguồn vốn từ thị trường tín dụng, trái phiếu. Những vướng mắc về thủ tục pháp lý, cơ chế pháp luật chưa hoàn chỉnh hay bất kỳ sự điều chỉnh nào cũng có tác động đến hoạt động của Công ty.

Nhận thức rõ vấn đề này, nhằm hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết luôn đặt cao việc tuân

thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật trong mọi quyết định về kinh doanh, đồng thời giao cho bộ phận chuyên trách rà soát, cập nhật mọi thay đổi về luật pháp để kịp thời điều chỉnh và áp dụng vào hoạt động hàng ngày, tham khảo và thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

3. Rủi ro đặc thù

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất thép và tôn mạ, những nhân tố dưới đây sẽ ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và sẽ là những rủi ro mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sẽ gánh chịu khi những nhân tố này thay đổi theo chiều hướng xấu. Cụ thể là:

Rủi ro về biến động giá nguyên liệu đầu vào

Nguyên liệu đầu vào chính của sản xuất tôn mạ là thép cuộn cán nóng (HRC), kẽm và nhôm, một phần được nhập khẩu. Giá các loại nguyên liệu này biến động mạnh theo thị trường quốc tế, trong khi doanh nghiệp khó có khả năng chuyển dịch toàn bộ chi phí tăng thêm sang khách hàng trong ngắn hạn. Do đặc thù sản xuất cần dự trữ lượng tồn kho nhất định, doanh nghiệp thường nhập khẩu nguyên liệu theo giá tại thời điểm mua, trong khi giá bán sản phẩm lại điều chỉnh theo thị trường ở thời điểm tiêu thụ. Sự chênh lệch này tạo rủi ro lớn khi giá nguyên liệu biến động nhanh, dẫn tới tình trạng “tồn kho giá cao” và làm giảm hoặc triệt tiêu biên lợi nhuận gộp.

Để hạn chế những rủi ro này, với chính sách thu mua nguyên vật liệu đầu vào chặt chẽ và kinh nghiệm cao, Tôn Đông Á có thể hạn chế rủi ro về biến động giá HRC đầu vào, do giá thành phẩm bán ra được cố định cùng với thời điểm thu mua nguyên vật liệu để đảm bảo biên lợi nhuận.

Rủi ro về cạnh tranh và thương mại quốc tế

Đặc thù của ngành tôn là lĩnh vực kinh doanh đã có truyền thống rất lâu trên thị trường với sự tham gia của nhiều doanh nghiệp có năng lực sản xuất kinh doanh có tầm cỡ, liên tục đầu tư và mở rộng quy mô sản xuất. Trong trường hợp tổng quy mô công suất trong ngành phát triển nhanh hơn nhu cầu của thị trường, sức ép cạnh tranh đối với các doanh nghiệp sẽ là một yếu tố quan trọng, có tác động không nhỏ lên hoạt động kinh doanh thép của Công ty. Trong bối cảnh Trung Quốc chiếm hơn 50% sản lượng thép toàn cầu và thường xuyên xuất khẩu giá thấp vào khu vực, các doanh nghiệp trong nước chịu áp lực cạnh tranh đáng kể. Ngoài ra, sản phẩm xuất khẩu từ Việt Nam có nguy cơ bị áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại (chống bán phá giá, chống trợ cấp, lẫn tránh xuất xứ), dẫn tới hạn chế thị trường và gia tăng chi phí. Việc phụ thuộc vào một số thị trường xuất khẩu hoặc khách hàng lớn cũng làm gia tăng rủi ro tập trung, có thể tác động tiêu cực nếu các thị trường này thay đổi chính sách nhập khẩu hoặc giảm nhu cầu.

Với tầm nhìn Trở thành nhà sản xuất thép lá mạ chất lượng cao, có uy tín trong nước và trên thế giới, ngay từ những bước đầu sản xuất, Công ty đã đầu tư thiết bị, dây chuyền hiện đại và thân thiện với môi trường nhằm sản xuất các sản phẩm thép lá mạ có chất lượng cao bảo đảm sự bền vững và tính thẩm mỹ của các công trình. Tổ chức hiệu quả

hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tạo ra các sản phẩm có giá cả cạnh tranh với các dịch vụ hậu mãi tốt, xây dựng thương hiệu Tôn với tầm cỡ và tiêu chuẩn thế giới. Bên cạnh đó, phát triển chuỗi cung ứng hiệu quả, và tăng cường tiếp thị, quảng bá sản phẩm, mở rộng thị phần để đa dạng hóa khách hàng và thị trường tiêu thụ. Trong 28 năm hoạt động, thương hiệu Tôn Đông Á luôn được thị trường công nhận là sản phẩm chất lượng cao và uy tín, luôn nằm trong Top 3 doanh nghiệp có thị phần cao nhất trong ngành, đủ sức cạnh tranh với các đối thủ trong và ngoài nước.

Rủi ro môi trường và pháp lý

Ngành thép là một trong những ngành công nghiệp có mức phát thải khí nhà kính lớn nhất, đồng thời phát sinh nhiều loại chất thải rắn (xỉ thép), khí thải và nước thải công nghiệp. Do đó, doanh nghiệp trong ngành chịu sự quản lý chặt chẽ của hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường trong nước, cũng như các tiêu chuẩn quốc tế ngày càng nghiêm ngặt. Việc không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về môi trường có thể dẫn đến nguy cơ bị xử phạt hành chính, bị đình chỉ hoạt động hoặc buộc phải đầu tư bổ sung hệ thống xử lý chất thải với chi phí lớn.

Ngoài ra, các xu hướng chính sách toàn cầu cũng tác động trực tiếp đến ngành. Cụ thể, Liên minh châu Âu đang triển khai Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (Carbon Border Adjustment Mechanism – CBAM), dự kiến áp dụng chính thức từ năm 2026 đối với sản phẩm thép nhập khẩu. Nếu doanh nghiệp xuất khẩu sang EU không chứng minh được mức phát thải phù hợp, sản phẩm sẽ phải chịu thêm thuế carbon, làm giảm đáng kể lợi thế cạnh tranh về giá. Bên cạnh đó, nhiều khách hàng quốc tế, đặc biệt là các tập đoàn FDI, đang tăng cường áp dụng các tiêu chuẩn ESG (Môi trường – Xã hội – Quản trị), đặt ra yêu cầu khắt khe hơn về phát thải và chứng chỉ môi trường.

Công ty kiên định với phương châm “Chất lượng – Uy tín – Phát triển bền vững” trong suốt 28 năm, tập trung vào sản xuất tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường, luôn nghiên cứu để cải tiến quy trình sản xuất, phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường và tuân thủ các pháp luật về bảo vệ môi trường minh chứng qua các tiêu chuẩn ISO và các chứng nhận sản phẩm Công ty đã đạt được.

Rủi ro mang tính chu kỳ ngành

Ngành thép và tôn mạ có tính chất chu kỳ cao, gắn liền với diễn biến của nền kinh tế vĩ mô, hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng và thị trường bất động sản. Khi nền kinh tế tăng trưởng mạnh, nhu cầu thép tăng nhanh, giá bán cải thiện, doanh nghiệp trong ngành thường đạt kết quả kinh doanh đột biến. Ngược lại, khi hoạt động xây dựng chững lại, đặc biệt trong bối cảnh thị trường bất động sản suy giảm hoặc tiến độ giải ngân đầu tư công chậm, nhu cầu thép sụt giảm rõ rệt, kéo theo giá bán giảm và sản lượng tiêu thụ thấp.

Do đặc thù sản xuất cần duy trì tồn kho nguyên liệu và thành phẩm ở mức cao, sự sụt giảm nhanh của nhu cầu hoặc giá thép có thể buộc doanh nghiệp phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, làm gia tăng rủi ro biến động lợi nhuận.

Để giảm thiểu rủi ro trên, Công ty cần kiểm soát tốt rủi ro trong việc đầu tư và kinh doanh tại thị trường nội địa và các thị trường xuất khẩu. Đội ngũ thu mua và bán hàng giàu kinh nghiệm, các mối quan hệ lâu dài và bền vững với các nhà cung ứng và khách hàng, kết hợp với việc hợp tác chiến lược với các doanh nghiệp sản xuất và thương mại lớn trong ngành thép thế giới giúp Công ty xây dựng chuỗi giá trị bền vững đảm bảo cung cầu ổn định để tối ưu hóa hoạt động kinh doanh.

Rủi ro trong việc xuất khẩu hàng hóa:

Hoạt động xuất khẩu tôn mạ của các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Tôn Đông Á nói riêng đang đối mặt với rủi ro cạnh tranh ngày càng gia tăng từ các nhà sản xuất trong khu vực như Trung Quốc, Ấn Độ và các quốc gia Đông Nam Á nhờ lợi thế về quy mô sản xuất, chi phí nguyên liệu và chính sách hỗ trợ xuất khẩu. Xu hướng bảo hộ thương mại tại nhiều thị trường lớn thông qua các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp và yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật khắt khe cũng làm gia tăng áp lực cạnh tranh đối với Công ty. Ngoài ra, Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon tại Thị trường Châu Âu (CBAM) cũng áp dụng từ năm 2026. Điều này có thể ảnh hưởng đến khả năng mở rộng thị phần, biên lợi nhuận cũng như duy trì sản lượng xuất khẩu ổn định của doanh nghiệp trong thời gian tới. Tuy nhiên, đây cũng là tạo ra cơ hội thực sự cho các công ty xuất khẩu tôn mạ/thép có chứng nhận ISO 14067 như Tôn Đông Á.

Ngoài ra, khi các doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu thép và tôn mạ ra thị trường quốc tế, thường gặp các rủi ro liên quan đến thuế quan và các biện pháp phòng vệ thương mại từ các nước nhập khẩu.

Nhiều quốc gia nhập khẩu (đặc biệt là Mỹ, EU, Ấn Độ, Thái Lan...) thường xuyên điều tra và áp thuế chống bán phá giá (Anti-dumping - AD) đối với sản phẩm thép, tôn mạ.

Bên cạnh đó, các rủi ro liên quan đến xuất xứ hàng hóa (Rules of Origin) càng phổ biến đối với sản phẩm thép, tôn mạ.

Rủi ro về thuế quan trong xuất khẩu thép, tôn mạ mang tính hệ thống và khó dự đoán, chịu ảnh hưởng lớn từ chính sách thương mại quốc tế, nếu bị áp các mức thuế cao sẽ làm mất lợi thế cạnh tranh.

Với kinh nghiệm 28 năm trong ngành sản xuất tôn mạ, Công ty luôn theo dõi, chủ động và linh hoạt triển khai các chiến lược quản trị, kịp thời thích ứng với diễn biến của thị trường và đảm bảo hoạt động của Công ty được duy trì ổn định. Đây là cơ hội để Công ty tiếp tục khẳng định vị thế tại thị trường nội địa, gia tăng tỷ trọng sản lượng và mở rộng mạng lưới khách hàng. Tiếp tục gia tăng tỷ trọng sản xuất các sản phẩm thép lá mạ chất lượng cao (GL, PPGL) và thép hộp mạ kẽm, đồng thời tiếp tục chiến lược đa dạng hóa thị trường xuất khẩu sang các khu vực có nhu cầu ổn định, có chọn lọc và có hiệu quả nhằm giảm phụ thuộc vào một số thị trường trọng điểm. Ngoài ra, việc tiếp tục nghiên cứu và phát triển đầu tư các dự án theo định hướng nâng cao năng lực sản xuất và cải tiến công nghệ sẽ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng cường năng lực cạnh tranh của Công ty.

Rủi ro trong hoạt động đầu tư tài chính:

Hoạt động đầu tư tài chính, cụ thể là đầu tư trái phiếu mang lại một khoản thu nhập lãi ổn định, tuy nhiên có thể phát sinh nhiều rủi ro cho Công ty, và đây không phải là ngành nghề kinh doanh chính. Trong bối cảnh thị trường tài chính còn tiềm ẩn nhiều biến động, các khoản đầu tư trái phiếu có thể chịu ảnh hưởng từ rủi ro thanh khoản, chậm thanh toán gốc và lãi hoặc suy giảm khả năng tài chính của tổ chức phát hành. Ngoài ra, việc phân bổ một phần nguồn vốn vào hoạt động đầu tư tài chính có thể làm gia tăng áp lực dòng tiền và ảnh hưởng đến nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chính, đặc biệt trong ngành tôn mạ vốn có đặc thù phụ thuộc lớn vào giá nguyên vật liệu và nhu cầu xuất khẩu. Nếu thị trường diễn biến không thuận lợi hoặc hiệu quả đầu tư không đạt kỳ vọng, kết quả kinh doanh và khả năng cân đối tài chính của Công ty có thể bị ảnh hưởng nhất định.

Để hạn chế và giảm thiểu các rủi ro phát sinh từ hoạt động đầu tư tài chính, đầu tư trái phiếu, Công ty áp dụng một số biện pháp quản trị như xây dựng chính sách đầu tư thận trọng, ưu tiên các khoản đầu tư có tính an toàn, uy tín, đồng thời kiểm soát tỷ trọng đầu tư tài chính ở mức hợp lý nhằm đảm bảo nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi. Bên cạnh đó, Công ty cần thực hiện đánh giá kỹ lưỡng năng lực tài chính, uy tín, tài sản bảo đảm và khả năng trả nợ của tổ chức phát hành trước khi quyết định đầu tư trái phiếu; thường xuyên theo dõi tình hình thị trường, tiến độ thanh toán và các biến động liên quan đến khoản đầu tư nhằm hạn chế các rủi ro về thanh toán. Ngoài ra, các trái phiếu doanh nghiệp mà Công ty đang đầu tư hiện nay đều đã được đăng ký niêm yết hoặc đăng ký giao dịch theo quy định, qua đó góp phần nâng cao tính thanh khoản của các khoản đầu tư và tạo điều kiện để Công ty chủ động giao dịch, thu hồi vốn khi cần thiết.

Rủi ro trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản

Việc mở rộng hoạt động kinh doanh sang lĩnh vực bất động sản giúp Công ty đa dạng hóa hoạt động kinh doanh và mở rộng các cơ hội đầu tư, tuy nhiên cũng có thể làm phát sinh các rủi ro đặc thù của lĩnh vực này. Hoạt động kinh doanh bất động sản có tính chu kỳ cao và chịu ảnh hưởng đáng kể bởi diễn biến của nền kinh tế, lãi suất, chính sách tín dụng, nhu cầu thị trường, khả năng huy động vốn cũng như sự thay đổi của các quy định pháp luật liên quan đến đất đai, đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản. Bên cạnh đó, các dự án bất động sản thường có quy mô vốn đầu tư lớn, thời gian triển khai và thu hồi vốn dài, trong khi doanh thu và lợi nhuận có thể không phát sinh đồng đều giữa các kỳ, dẫn đến rủi ro về dòng tiền và hiệu quả sử dụng vốn. Quá trình triển khai dự án cũng có thể chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố như thủ tục pháp lý, công tác giải phóng mặt bằng, cấp phép xây dựng, tiến độ thi công, chi phí đầu tư và khả năng tiêu thụ sản phẩm. Trong trường hợp thị trường bất động sản diễn biến không thuận lợi hoặc dự án triển khai chậm hơn dự kiến, Công ty có thể phải đối mặt với việc gia tăng chi phí, kéo dài thời gian thu hồi vốn, giảm hiệu quả đầu tư hoặc ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh hợp nhất. Ngoài ra, do bất động sản không phải là lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Công ty, việc mở rộng sang lĩnh vực này cũng đòi hỏi Công ty tăng cường năng lực



quản lý, giám sát và kiểm soát hoạt động đầu tư tại các công ty con nhằm hạn chế các rủi ro phát sinh và đảm bảo việc sử dụng nguồn lực phù hợp với định hướng phát triển chung của Công ty.

Để chủ động hạn chế và kiểm soát các rủi ro phát sinh từ hoạt động kinh doanh bất động sản, Công ty thực hiện đánh giá thận trọng về tính pháp lý, hiệu quả kinh tế, nhu cầu thị trường và khả năng triển khai của từng dự án trước khi quyết định đầu tư, đồng thời cân nhắc khả năng cân đối nguồn vốn và dòng tiền trong từng giai đoạn. Công ty tăng cường công tác giám sát, quản lý hoạt động của công ty và công ty con có liên quan đến lĩnh vực bất động sản, thường xuyên theo dõi tiến độ triển khai, tình hình tài chính và hiệu quả hoạt động của các dự án để kịp thời nhận diện và xử lý các vấn đề phát sinh. Bên cạnh đó, Công ty chủ động cập nhật các thay đổi của thị trường và chính sách pháp luật có liên quan đến đất đai, đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản nhằm đưa ra các quyết định phù hợp. Công ty cũng định hướng kiểm soát quy mô với tỷ lệ vốn đầu tư an toàn và tiến độ đầu tư phù hợp với năng lực tài chính, ưu tiên các dự án có cơ sở pháp lý rõ ràng, khả năng triển khai và tiêu thụ phù hợp, qua đó hạn chế việc tập trung quá mức nguồn lực vào hoạt động bất động sản và giảm thiểu tác động bất lợi đến hoạt động kinh doanh cốt lõi cũng như tình hình tài chính hợp nhất của Công ty.

Rủi ro liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh tại nước ngoài

Thông qua công ty con PT Indo Vina Steel với tỷ lệ vốn góp 51% được thành lập và hoạt động tại Indonesia, Công ty thực hiện hoạt động mua bán, sản xuất và kinh doanh các loại thép tại thị trường nước ngoài. Hoạt động đầu tư và kinh doanh tại nước ngoài có thể phát sinh các rủi ro liên quan đến sự khác biệt về môi trường pháp lý, chính sách đầu tư, thuế, thương mại, lao động và các quy định khác của nước sở tại. Bên cạnh đó, hoạt động của PT Indo Vina Steel chịu ảnh hưởng bởi tình hình kinh tế, chính trị, chính sách thương mại và diễn biến của thị trường thép tại Indonesia, bao gồm biến động về nhu cầu tiêu thụ, giá nguyên vật liệu và giá thép, mức độ cạnh tranh và các chính sách liên quan đến xuất nhập khẩu thép. Các thay đổi bất lợi về chính sách hoặc điều kiện kinh doanh tại Indonesia có thể ảnh hưởng đến chi phí, doanh thu, lợi nhuận và hiệu quả hoạt động của công ty con, từ đó tác động đến kết quả kinh doanh và tình hình tài chính hợp nhất của Công ty.

Ngoài ra, do hoạt động tại Indonesia phát sinh các khoản thu, chi, tài sản và công nợ bằng đồng Rupiah Indonesia và/hoặc các ngoại tệ khác, Công ty có thể chịu rủi ro do biến động tỷ giá giữa các đồng tiền này và Đồng Việt Nam, đặc biệt khi thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính hoặc chuyển lợi nhuận về Công ty. Việc quản lý hoạt động tại quốc gia khác cũng có thể phát sinh những thách thức về khoảng cách địa lý, khác biệt về môi trường kinh doanh, văn hóa và phương thức quản trị, cũng như khả năng kiểm soát hoạt động và tiếp cận thông tin của Công ty đối với công ty con.

Để chủ động hạn chế và kiểm soát các rủi ro phát sinh từ hoạt động đầu tư và kinh doanh tại nước ngoài, Công ty tăng cường công tác giám sát đối với hoạt động của PT Indo Vina Steel, duy trì cơ chế báo cáo và cập nhật định kỳ về tình hình hoạt động, tài

chính và các vấn đề có thể ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư. Công ty chủ động theo dõi các thay đổi về chính sách, pháp luật, thuế, đầu tư và thương mại của Indonesia, đồng thời yêu cầu công ty con tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành tại nước sở tại.

Bên cạnh đó, Công ty thực hiện đánh giá thận trọng các yếu tố thị trường, giá nguyên vật liệu, giá thép, nhu cầu tiêu thụ và khả năng cạnh tranh để hỗ trợ việc xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh phù hợp. Công ty cũng chú trọng quản lý dòng tiền và rủi ro tỷ giá, cân đối nguồn thu và chi bằng ngoại tệ phù hợp với nhu cầu hoạt động, đồng thời kiểm soát các giao dịch và nghĩa vụ tài chính phát sinh tại công ty con. Thông qua việc duy trì cơ chế quản trị, kiểm soát và giám sát phù hợp, Công ty hướng tới hạn chế tác động bất lợi của các yếu tố đặc thù tại thị trường Indonesia đến hiệu quả hoạt động của công ty con và kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty.

4. Rủi ro quản trị Công ty

Rủi ro xuất phát từ quản trị Công ty yếu kém là rủi ro tiềm ẩn, nhưng có thể ảnh hưởng đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, gây thiệt hại cho cổ đông. Trong bất kỳ ngành nghề kinh doanh nào, lựa chọn cơ cấu quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp là nền tảng cần thiết đối với chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Để có thể đạt hiệu quả cao nhất, khung quản trị rủi ro của doanh nghiệp cần được thiết kế phù hợp với văn hóa và chiến lược của Công ty. Đánh giá đúng vai trò của quản trị Công ty và quan tâm đến quản trị Công ty từ những vấn đề cơ bản nhất là giải pháp hữu hiệu để phòng ngừa rủi ro.

Ban lãnh đạo Công ty là những người có chuyên môn, năng lực trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh ngành thép và tôn mạ cũng như trong các lĩnh vực hoạt động có liên quan như tài chính, chứng khoán, nhiều năm kinh nghiệm cùng với thời gian gắn bó lâu dài với Công ty. Bên cạnh đó, Công ty luôn chú trọng tập trung đào tạo, phát triển đội ngũ quản lý có trình độ cao, tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp.

5. Rủi ro khác

Bên cạnh việc chú ý và phòng ngừa những rủi ro thường thấy trong quá trình hoạt động, Công ty còn phải quan tâm đến những rủi ro tuy ít xảy ra nhưng có thể gây ra tổn thất lớn cho doanh nghiệp như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh, tai nạn lao động.

Dù các rủi ro này khó lường trước nhưng Công ty có thể thực hiện phòng ngừa cũng như giảm thiểu tổn thất bằng cách mua bảo hiểm như bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm nhà xưởng, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn, thường xuyên kiểm tra các thiết bị, cập nhật thông tin thời tiết, xã hội, ... nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh liên tục và tránh các tổn thất không đáng có.

[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]

III. CÁC KHÁI NIỆM

Các khái niệm và từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

“Bản Cáo Bạch”	: Bản Cáo Bạch này và cũng là bản cung cấp thông tin của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư Cổ Phiếu
“BCTC”	: Báo cáo tài chính
“BCATTC”	: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
“ĐHĐCĐ”	: Đại hội đồng cổ đông
“HĐQT”	: Hội đồng quản trị
“BKS”	: Ban kiểm soát
“CCCD”	: Căn cước công dân
“Công ty CP” hay “CTCP”	: Công ty cổ phần
“CTCK”	: Công ty chứng khoán
“ĐKKD”	: Đăng ký kinh doanh
“HSX”/ “HOSE”	: Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
“NHNN”	: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
“Luật Chứng Khoán”	: có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Việt Nam thông qua vào ngày 26/11/2019 và các văn bản thay thế, sửa đổi và bổ sung áp dụng tại từng thời điểm
“Luật Doanh Nghiệp”	: có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Việt Nam thông qua vào ngày 17/06/2020 và các văn bản thay thế, sửa đổi và bổ sung áp dụng tại từng thời điểm.
“Nghị Định 155”	: có nghĩa là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản thay thế, sửa đổi và bổ sung áp dụng tại từng thời điểm.
“Thuế GTGT”	: Thuế giá trị gia tăng
“Thuế TNCN”	: Thuế thu nhập cá nhân
“Thuế TNDN”	: Thuế thu nhập doanh nghiệp
“TMCP”	: Thương mại cổ phần
“TNHH”	: Trách nhiệm hữu hạn

"LNTT"	: Lợi nhuận trước thuế
"LNST"	: Lợi nhuận sau thuế
"GDCK"	: Giao dịch chứng khoán
"GPĐC"	: Giấy phép điều chỉnh
"Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết", hoặc "TDA" hoặc "Công ty hoặc" hoặc "GDA"	: Công ty cổ phần Tôn Đông Á
"TCĐKNY"	: Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết
"TPDN"	: Trái phiếu doanh nghiệp
"UBCKNN"	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
"VSDC"	: Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
"SGDCK"	: Sở Giao Dịch Chứng Khoán
"VND" hoặc "Đồng"	: Đồng Việt Nam
"USD"	: Đô-la Mỹ
"FED"	: Cục Dự Trữ Liên Bang Hoa Kỳ

[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Thông tin chung về Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

- Tên Tổ Chức Đăng Ký : CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á Niêm Yết
- Tên Tổ Chức Đăng Ký : TON DONG A CORPORATION Niêm Yết viết bằng tiếng nước ngoài
- Tên viết tắt : TDA CORP
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần : Số 3700255880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02 tháng 02 năm 2009, thay đổi lần thứ 20 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 10 năm 2025.
- Logo : 
- Trụ sở chính : Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (0274) 3732 575 - Fax: (0274) 3790 420
- Website : <https://www.tondonga.com.vn/>
- Vốn điều lệ đăng ký : 1.490.988.510.000 VND (Bằng chữ: Một nghìn bốn trăm chín mươi tỷ chín trăm tám mươi tám triệu năm trăm mười nghìn đồng)
- Vốn điều lệ thực góp : 1.490.988.510.000 VND (Bằng chữ: Một nghìn bốn trăm chín mươi tỷ chín trăm tám mươi tám triệu năm trăm mười nghìn đồng)
- Đại diện theo pháp luật : Ông Nguyễn Thanh Trung – Chủ tịch HĐQT
Ông Đoàn Vĩnh Phước – Tổng Giám đốc
- Ngành nghề kinh doanh chính : - **Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại – Mã ngành 2592**

Chi tiết: Sản xuất thép lá mạ kẽm (tôn kẽm), thép lá mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), thép lá mạ kẽm màu, thép lá đen mạ màu, thép lá mạ hợp kim nhôm kẽm màu (tôn lạnh màu).

Các hình thức gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại khác.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Công ty cổ phần Tôn Đông Á tiền thân là Công ty TNHH Đông Á được thành lập vào 5/11/1998, sau đó được đổi tên thành Công ty TNHH Tôn Đông Á vào tháng 06 năm 2005. Năm 2009, Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty cổ phần Tôn Đông Á và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700255880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02 tháng 02 năm 2009. Các dấu mốc quan trọng của Công ty như sau:

Thời gian	Sự kiện
Năm 1998	Công ty TNHH Đông Á được thành lập ngày 05/11/1998, trụ sở đặt tại Lô E, KCN Sóng Thần, Dĩ An, Bình Dương.
Năm 2004	Tháng 9 năm 2004, Công ty đầu tư dự án dây chuyền sản xuất tôn mạ kẽm dạng cuộn công suất 40.000 tấn/năm.
Năm 2005	Tháng 6 năm 2005, Công ty TNHH Đông Á đổi tên thành Công ty TNHH Tôn Đông Á. Thương hiệu Tôn Đông Á chính thức ra đời.
Năm 2006	Dây chuyền mạ màu CM1 đi vào hoạt động sản phẩm mạ màu đầu tiên của Tôn Đông Á được giới thiệu ra thị trường.
Năm 2008	Dây chuyền mạ màu thứ 2 (CM2) được đầu tư bằng thiết bị trong nước và công nghệ Hàn Quốc cải tiến cơ sở CM1, công suất 40.000 tấn/năm.
Năm 2009	- Công ty TNHH Tôn Đông Á chuyển hướng sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần với tên gọi Công ty cổ phần Tôn Đông Á. Nhà máy sản xuất đặt tại số 5, đường số 5, KCN Sóng Thần 1, phường Dĩ An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh). Nhà máy Sóng Thần 1 (nhà máy thứ 1) với tổng diện tích nhà xưởng hơn 35.000 m² và có 2 dây chuyền mạ kẽm và một dây chuyền mạ màu được lắp đặt hoàn chỉnh và đưa vào sản xuất theo công nghệ Hàn Quốc. - Sau khi chuyển đổi thành công Công ty cổ phần, Công ty đầu tư xây dựng dây chuyền mạ màu thứ hai được nhập khẩu từ nhiều nước tiên tiến như Nhật Bản, Hàn Quốc, Châu Âu,...và chính thức sản xuất các sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng JIS G3312 của Nhật Bản.
Năm 2010	- Tôn Đông Á đưa vào vận hành dây chuyền sản xuất tôn mạ nhôm kẽm (tôn lạnh) công nghệ NOF với công suất 100.000 tấn/năm. Đồng thời triển khai thực hiện dự án nhà máy Tôn Đông Á tại KCN Đồng An 2, Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương với quy mô diện tích 12,6 hecta. - Tôn Đông Á thâm nhập vào thị trường thép lá mạ với các sản phẩm

Thời gian	Sự kiện
	tôn kẽm, tôn lạnh, tôn lạnh màu chất lượng cao phục vụ cho ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp.
Năm 2011	- Đưa dây chuyền mạ màu số 3 (CM3) vào vận hành, góp phần nâng tổng sản lượng sản phẩm mạ màu của Công ty Tôn Đông Á lên 120.000 tấn/năm và tổng công suất thiết bị sản xuất các sản phẩm mạ của Công ty lên trên 300.000 tấn/năm. - Khai trương chi nhánh Công ty cổ phần Tôn Đông Á tại Đà Nẵng, đặt tại Khu Công nghiệp Liên Chiểu.
Năm 2012	Đầu tư dự án ERP (phần mềm quản trị Nguồn lực Doanh nghiệp) trị giá 1 triệu USD nhằm mục đích nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý toàn diện trong sản xuất, kinh doanh.
Năm 2013	- Khởi công xây dựng nhà máy Thủ Dầu Một (nhà máy thứ 2) với công suất 800.000 tấn/năm tại Lô A3, KCN Đồng An 2, Phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, Bình Dương (nay là Phường Bình Dương, TP Hồ Chí Minh). Nhà máy có tổng diện tích 125.800 m² với số vốn đầu tư 160 triệu USD. - Khai trương văn phòng đại diện tại TP.HCM.
Năm 2014	Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Đà Nẵng đi vào hoạt động.
Năm 2015	Hoàn thiện giai đoạn 1 của nhà máy Thủ Dầu Một có công suất 250.000 tấn/năm với vốn đầu tư 70 triệu USD. Toàn bộ dây chuyền có công nghệ tiên tiến bậc nhất đến từ Châu Âu và Nhật Bản.
Năm 2017	- Hoàn thiện giai đoạn 2 của nhà máy Thủ Dầu Một có công suất tăng thêm 600.000 tấn/năm với vốn đầu tư 90 triệu USD. - Thành lập Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Bắc Ninh. - Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Long An đã chính thức khai trương đi vào hoạt động sản xuất (nhà máy Long An - nhà máy thứ 3) với mục tiêu Sản xuất ống hộp (thép ống), quy mô 100.000 tấn /năm. - Khởi công lễ động thổ Kho trung chuyển của CTCP Tôn Đông Á và Trụ sở Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Bình Dương tại KCN Sóng Thần 3, nay là Công ty TNHH Logistics Hưng Việt.
Năm 2018	Giai đoạn 2 nhà máy Thủ Dầu Một hoàn thành và nhanh chóng đưa vào vận hành toàn bộ công suất của TDA, đạt công suất 800.000 tấn/năm trước cuối năm 2018. Tự hào đưa vào dây chuyền màu CM4 hiện đại nhất Đông Nam Á.
Năm 2019	Cho ra đời một bộ nhãn hàng mới - tiêu chuẩn cao KING/ WIN/ S, xây dựng hình ảnh đồng bộ với chất lượng sản phẩm của Tôn

Thời gian	Sự kiện
	Đông Á.
Năm 2020	- Phòng thí nghiệm Tôn Đông Á được đơn vị BoA công nhận là Phòng thí nghiệm đáp ứng được yêu cầu và năng lực thử nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 với mã VILAS 1321. - Thành lập văn phòng đại diện mới Công ty cổ phần Tôn Đông Á tại thành phố Quy Nhơn, Bình Định.
Năm 2021	Chính thức đổi tên dòng S thành SVIET. Tiếp tục phát triển mạnh mẽ nhãn hàng KING/ WIN/ SVIET, không chỉ khẳng định chất lượng quốc tế mà còn tôn vinh giá trị văn hóa Việt Nam.
Năm 2022	- Ngày 10/03/2022, Công ty trở thành Công ty đại chúng sau khi IPO thành công 15.350.000 cổ phiếu. - Ngày 21/04/2022, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp mã chứng khoán GDA. - Tôn Đông Á đã mở rộng sản phẩm tôn thép, cung ứng nguyên liệu cho ngành sản xuất thiết bị gia dụng (LG, Samsung...) - phân khúc khát khe về kỹ thuật và chất lượng. - Công ty triển khai App Tôn Đông Á đến khách hàng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, gia tăng giá trị cộng thêm cho khách hàng.
Năm 2023	- Công ty cổ phần Tôn Đông Á chính thức đăng ký giao dịch, cổ phiếu Công ty (mã chứng khoán GDA) giao dịch ngày đầu tiên trên UPCoM vào ngày 07/09/2023. - Tháng 11/2023: Đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại đầu tư và Xây dựng tổng hợp SBC Miền Trung thực hiện chiến lược đa dạng hóa hoạt động, nghiên cứu đầu tư vào địa ốc, nay là Công ty TNHH Đầu tư và Địa ốc Đông Á Miền Trung.
Năm 2024	- Tháng 04/2024: Thành lập Công ty TNHH Đông Á – Phú Mỹ để triển khai dự án Nhà máy Phú Mỹ 3 (Nhà máy thứ 4) tại KCN Chuyên sâu Phú Mỹ - Vũng Tàu với tổng công suất thiết kế đạt 1,2 triệu tấn/năm, trong đó giai đoạn 1 với 300.000 tấn/năm. - Tháng 11/2024: Tham gia góp vốn thành lập Công ty PT INDO VINA STEEL tại Indonesia mở rộng thị trường kinh doanh.
Năm 2025	Thành lập Công ty TNHH MTV Đông Á – Phú Mỹ 1 (Nhà máy thứ 5) để tăng công suất sản xuất và gia công sản phẩm ống thép hàn các loại.
Năm 2026	Thành lập Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đông Á thực hiện chiến lược đa dạng hóa hoạt động.

Danh hiệu và giải thưởng

Năm	Các chứng nhận, danh hiệu và giải thưởng
2026	Chứng nhận ISO 45001:2018 – Hệ thống quản lý An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp.
2025	- Chứng nhận JIS (Japanese Industrial Standards) từ Nhật Bản do Japan Quality Assurance Organization cấp. - Chứng nhận ISO 14064-1:2018 liên quan đến kiểm kê khí nhà kính. - Dấu ấn Thương hiệu Việt vì Cộng đồng: vinh danh những doanh nghiệp có đóng góp nổi bật cho sự phát triển bền vững của xã hội. - Bằng khen do Hội chữ thập đỏ Tỉnh Bình Dương ghi nhận đã có nhiều đóng góp cho các hoạt động nhân đạo 2025.
2024	- Chứng chỉ ISO 14067:2018 – Vết Carbon của sản phẩm. - Thương hiệu Quốc gia - Khẳng định uy tín và giá trị thương hiệu. - Giải Vàng Chất lượng Quốc gia, là doanh nghiệp duy nhất trong ngành thép lá mạ nhận được danh hiệu cao quý này. - Top 10 Công ty Vật liệu xây dựng năm 2024 và Top 5 Công ty Vật liệu xây dựng năm 2024 – Nhóm sản phẩm: Sắt, thép, tôn do Vietnam Report công bố. - Top 50 nhóm các doanh nghiệp lớn mạnh nhất cả nước năm 2024.
2023	“Top 25 Thương hiệu dẫn đầu” hàng tiêu dùng cá nhân & công nghiệp dẫn đầu năm 2024, với giá trị thương hiệu được Forbes Việt Nam định giá 32 triệu USD. - Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2023. - Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2022. - Chứng chỉ Hệ thống quản lý năng lượng ISO 50001:2018. - Tôn Đông Á vinh dự nhận bức trướng của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương nhân kỷ niệm 25 năm thành lập Công ty (1998-2023), với nội dung “Chất lượng - Uy tín - Phát triển bền vững. - Doanh nghiệp nộp thuế tiêu biểu giai đoạn 2020 – 2022. - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tặng Bằng khen đã có nhiều đóng góp cho sự nghiệp bảo vệ và chăm sóc trẻ em năm 2023.
2022	- Chứng nhận Doanh nghiệp có sản phẩm đạt Thương hiệu Quốc gia (Giai đoạn 2022 – 2025) do Bộ Công thương công bố. - Chứng nhận Top 10 Công ty Vật Liệu Xây dựng Uy Tín do Vietnam Report công bố. - Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt nam 2022 (xếp hạng 52) do Vietnam Report công bố.

2021	• Chứng nhận Top 5 Công ty Vật Liệu Xây dựng Uy Tín (Nhóm ngành: Tôn Sắt Thép) do Vietnam Report công bố. • Giấy khen Cục Thuế tỉnh Bình Dương trao tặng: Đã có thành tích thực hiện chính sách, pháp luật thuế năm 2020.
2020	• Hàng Việt Nam Chất lượng cao năm 2020 – 2021 do Hội doanh nghiệp Hàng Việt Nam chất lượng cao công bố. • Thương hiệu Quốc gia 2020 – 2022 do Bộ Công thương cấp.
2018	• Huân chương Lao động hạng Nhì – Công ty cổ phần Tôn Đông Á (2018) • Chứng nhận Doanh nghiệp có sản phẩm đạt Thương hiệu Quốc gia (Giai đoạn 2018 – 2020) do Bộ Công thương cấp. • Chứng nhận hàng Việt Nam Chất lượng cao năm 2018 do Hội doanh nghiệp Hàng Việt Nam chất lượng cao cấp.
2017	• Giải nhất Chất lượng Quốc tế Châu Á Thái Bình Dương do Tổ chức Chất lượng Châu Á – Thái Bình Dương cấp. • Giải vàng chất lượng quốc gia năm 2017 do Hội đồng Giải thưởng Chất lượng Quốc gia (thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ) chứng nhận. • Chứng nhận hàng Việt Nam Chất lượng cao năm 2017 do Hội doanh nghiệp Hàng Việt Nam chất lượng cao công bố. • Chứng nhận Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc 2017 do Vietnam Report công bố.
2016	• Chứng nhận Top 500 Doanh nghiệp Tư nhân lớn Việt Nam 2016 do Vietnam Report công bố. • Chứng nhận Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao do người tiêu dùng bình chọn năm 2016 do Hội doanh nghiệp Hàng Việt Nam chất lượng cao công bố. • Chứng nhận Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc 2016 do Vietnam Report công bố.
2015	• Giải vàng Chất Lượng Quốc Gia 2015 Hội đồng Giải thưởng Chất lượng Quốc gia (thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ) chứng nhận. • Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam 2015 do Vietnam Report công bố. • Chứng nhận Thương Hiệu Mạnh Việt Nam 2015 do Thời báo Kinh tế Việt Nam cấp. • Chứng nhận Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam do Vietnam Report công bố. • Giải vàng Sao Vàng Đất Việt 2015 do Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam trao tặng.



	• Top 50 doanh nghiệp Việt Nam xuất sắc nhất do Vietnam Report công bố. • Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập lớn nhất Việt Nam do Vietnam Report công bố. • Chứng nhận sản phẩm Tôn lạnh – Tôn lạnh màu đạt sản phẩm chất lượng cao Việt Nam do Báo Thương hiệu và Công luận chứng nhận. • Chứng nhận Tôn Đông Á đạt Top 20 Thương hiệu phát triển bền vững do Báo Thương hiệu và Công luận chứng nhận.
Từ lúc thành lập đến năm 2014	• Cúp Vàng Thương hiệu ngành Xây dựng – Vietbuild do Công ty cổ phần tổ chức Triển lãm Vietbuild trao tặng. • Top 50 Doanh nghiệp thành tựu xuất sắc nộp thuế thu nhập doanh nghiệp giai đoạn 2010 – 2014 do Vietnam Report công bố. • Huân chương Lao động hạng Ba do Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam trao tặng. • Cúp vàng Doanh nghiệp hội nhập và phát triển năm 2012 Hội đồng chỉ đạo Giải thưởng “Doanh nghiệp hội nhập và phát triển” chứng nhận. • Và nhiều danh hiệu, giải thưởng khác...

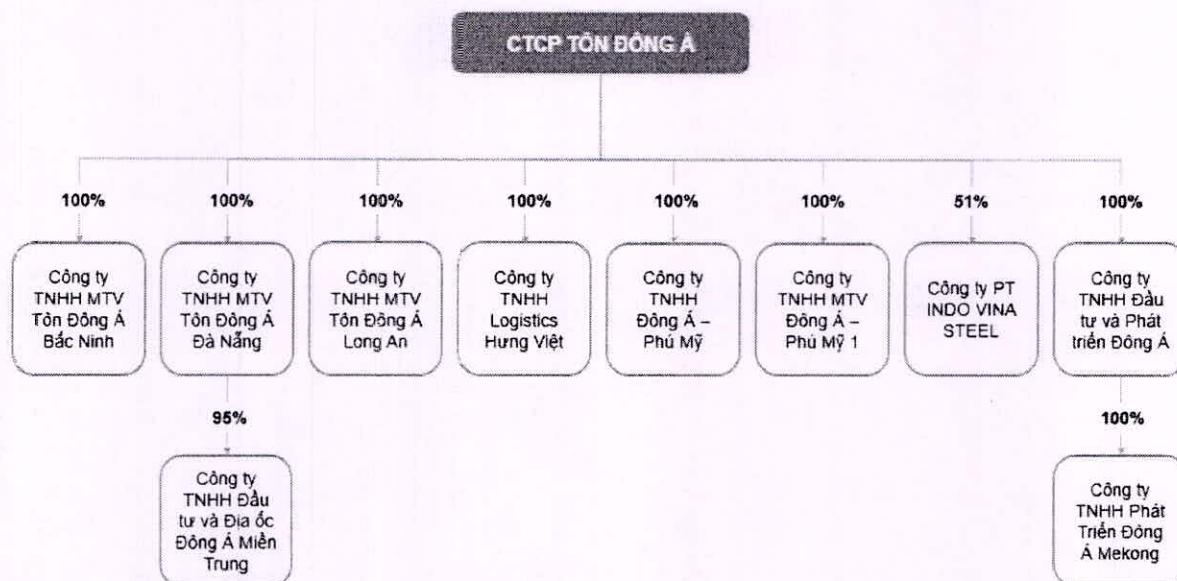
[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Tại ngày 30/06/2026, Công ty có 08 (tám) Công ty con trực tiếp, và 02 (hai) công ty con gián tiếp.

Thông tin cụ thể của các Công ty này được nêu tại Mục IV.5.

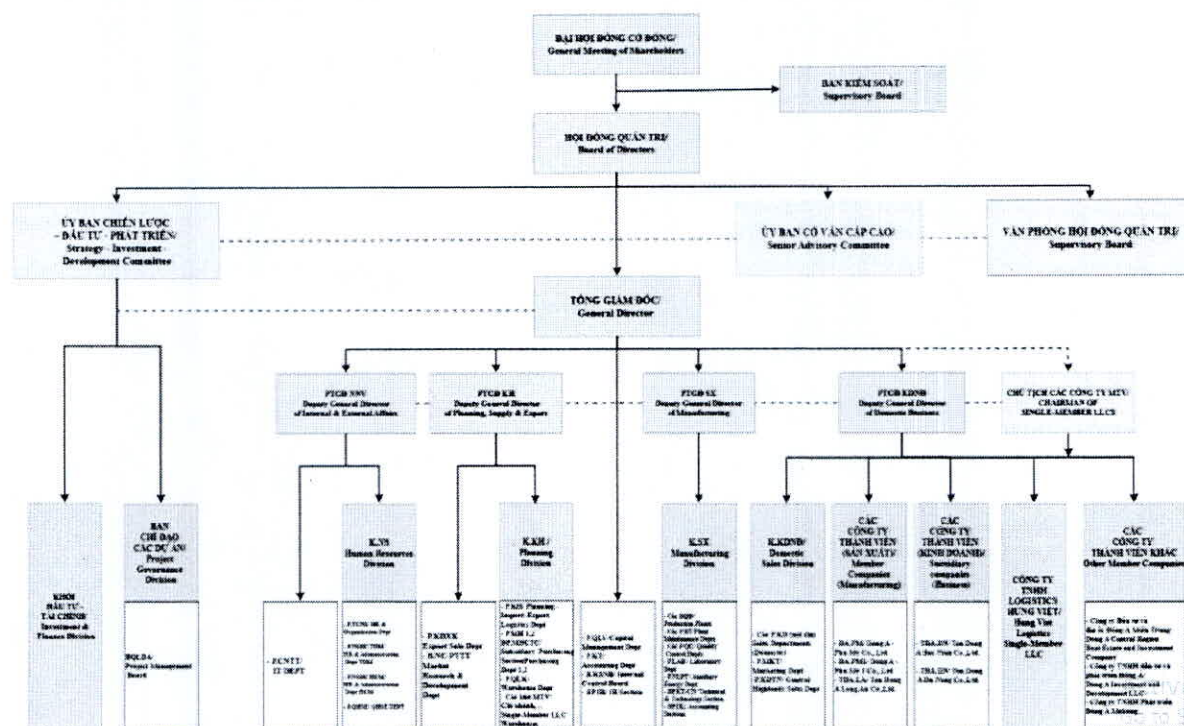
Hình 1: Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết



Nguồn: GDA

[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]

Hình 2: Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết



Nguồn: GDA

Công ty cổ phần Tôn Đông Á tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình tại Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, cụ thể gồm:

4.1. Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

ĐHDCĐ có quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát; thông qua báo cáo của Công ty (bao gồm báo cáo tài chính, báo cáo của HĐQT, báo cáo của Ban kiểm soát); thông qua định hướng phát triển của Công ty; bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty, quyết định mức cổ tức thanh toán hàng năm, lựa chọn công ty kiểm toán; và các quyền khác theo các quy định cụ thể trong Điều lệ hoạt động của Công ty.

4.2. Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Hiện nay, HĐQT Công ty có 08 (tám) thành viên, trong đó có 02 (hai) thành viên độc lập. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, trừ thành viên độc lập không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

HĐQT có quyền quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty; xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua; quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc, và các cán bộ quản lý quan trọng trong công ty; quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và các quyền khác theo quy định cụ thể tại Điều lệ của Công ty.

Các Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị có thể thành lập các Ủy ban trực thuộc để phụ trách các công việc về chiến lược, đầu tư, phát triển, chính sách nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và có thể ủy quyền hành động cho các Ủy ban trực thuộc. Tên gọi của các Ủy ban do Hội đồng Quản trị quyết định.

Số lượng thành viên của từng Ủy ban do Hội đồng Quản trị quyết định nhưng tối thiểu là ba (03) thành viên. Thành viên của Ủy ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng Quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các Ủy ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng Quản trị đề ra.

Hoạt động của Ủy ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết của Ủy ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của Ủy ban. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của Ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Hiện nay, trực thuộc Hội đồng quản trị có Ủy ban Chiến lược – Đầu tư – Phát triển; Ủy ban Cố vấn cấp cao; Văn phòng Hội đồng quản trị.

4.3. Ban kiểm soát

BKS của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hiện nay có 03 (ba) thành viên phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan. Nhiệm kỳ của thành viên BKS không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

BKS có quyền và nghĩa vụ quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ, trong đó bao gồm: kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính sáu tháng và hàng năm của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT; trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh hàng năm và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên; đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập; xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT chấp thuận; xem xét những kết quả điều tra

nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban Tổng Giám đốc; xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ; và các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

4.4. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Ban Tổng Giám đốc Công ty hiện tại bao gồm 01 Tổng Giám đốc và 04 Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

4.5. Các phòng ban chức năng thuộc Ban Tổng Giám đốc

Các phòng, ban chức năng có nhiệm vụ tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về quản lý chỉ đạo trong lĩnh vực phụ trách, triển khai, cụ thể hóa công việc theo chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, bao gồm:

a. Khối Kế hoạch, Cung cấp, Logistic

- Khối kế hoạch gồm các phòng ban: Phòng Kế hoạch (P.KH), các Phòng Mua hàng, Phòng quản lý kho (P.QLK), các kho MTV và Chi nhánh.
- Trong đó P.KH thực hiện lập kế hoạch nhu cầu nguyên liệu, kế hoạch sản xuất tại các dây chuyền sản xuất trong Công ty, lên kế hoạch nhập khẩu máy móc thiết bị, vật tư, nguyên liệu theo nhu cầu công ty, nhu cầu sản xuất kinh doanh và thực hiện nghiệp vụ xuất, nhập khẩu.
- Các Phòng Mua hàng thực hiện thủ tục mua hàng về nguyên vật liệu, nhiên liệu, nguyên vật liệu phụ, vật tư, phụ tùng và các dịch vụ thuê ngoài phục vụ cho các hoạt động sản xuất, bảo trì nhà máy.
- Phòng quản lý kho và các kho MTV và Chi nhánh thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận, sắp xếp, bảo quản, cấp phát các nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm, vật tư, phụ tùng, thiết bị máy móc... phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

b. Khối Kinh doanh nội địa:

- Khối Kinh doanh nội địa bao gồm các Phòng Kinh doanh Nội địa, Phòng marketing (P.MKT).
- Trong đó các phòng kinh doanh nội địa có chức năng xây dựng phát triển hoạt động bán hàng và thiết lập kênh phân phối ổn định, nhằm đảm bảo đầu ra cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Xây dựng và triển khai các chiến lược marketing, phát triển thị trường nội địa, hoàn thành mục tiêu sản lượng của công ty, đồng thời định vị thương hiệu Tôn Đông Á trên thị trường nội địa.
- P.MKT thiết lập, thực hiện và quản lý các công tác liên quan đến tiếp thị, chăm sóc khách hàng, các hoạt động truyền thông theo tiêu chí trước, trong và sau bán hàng, mang đến sự hài lòng cao nhất cho khách hàng, nâng cao giá trị thương hiệu Tôn Đông Á, nhằm gia tăng sản lượng bán hàng.

c. Khối Nhân sự:

- Khối Nhân sự bao gồm các phòng: Phòng Tổ chức Nhân sự (P. TCNS), các phòng Nhân sự hành chính, Phòng Quản lý hệ thống Chất lượng – Sức khỏe – An Toàn – Môi trường (P.QHSE).
- Khối nhân sự có chức năng xây dựng cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty và phát triển nguồn nhân lực; xây dựng các chính sách phù hợp với hiệu quả hoạt động Công ty; xây dựng và tổ chức thực hiện công tác tuyển dụng, đào tạo, nhân sự, hành chính, pháp chế, hệ thống QHSE cho toàn hệ thống Tôn Đông Á.

d. Khối sản xuất:

- Bao gồm các Ban Quản đốc (BQĐ), Phòng Bảo trì (P.BT), Phòng Năng lượng-Phụ trợ (P.NL-PT), Phòng quản lý chất lượng sản phẩm (P.QC), Phòng Thí nghiệm (P.LAB).
- Các Ban quản đốc chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ hoạt động sản xuất tại các phân xưởng, tổ chức công việc theo đúng quy trình công nghệ, theo kế hoạch sản xuất và theo quy định của công ty về định mức nguyên vật liệu trong sản xuất tại nhà máy.
- Phòng Bảo trì chịu trách nhiệm bảo trì, sửa chữa toàn bộ máy móc thiết bị trên các dây chuyền sản xuất.
- Phòng Quản lý chất lượng sản phẩm có chức năng xây dựng tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm của công ty, xây dựng định mức nguyên vật liệu, hóa chất trên các dây chuyền sản xuất theo từng loại sản phẩm. Lập kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm tại các dây chuyền sản xuất.
- Phòng Thí nghiệm thực hiện thử nghiệm nguyên vật liệu, sản phẩm tại công ty nhằm cung cấp dữ liệu đặc tính của sản phẩm cho Khối sản xuất và các phòng ban Quản lý chất lượng để quản lý và kiểm soát chất lượng sản phẩm và hỗ trợ Khối Kinh doanh trong việc phản hồi khiếu nại khách hàng liên quan đến thử nghiệm sản phẩm.

e. Các phòng ban nghiệp vụ:

- Phòng Kinh doanh xuất khẩu thực hiện quản lý hoạt động kinh doanh xuất khẩu của công ty, lập kế hoạch và chính sách kinh doanh xuất khẩu, nghiên cứu thị trường và quảng bá hình ảnh, sản phẩm, thương hiệu công ty đến các đối tác, khách hàng.
- Các phòng ban nghiệp vụ khác (Phòng quản lý vốn, Phòng Kế toán, Ban kiểm soát nội bộ, Phòng công nghệ thông tin, Ban quản lý dự án, Ban Nghiên cứu - Phát triển thị trường, Bộ phận IR) thực hiện chuyên trách các nhiệm vụ liên quan theo chuyên môn được phân công.

5. Thông tin về Công ty mẹ, Công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối:

5.1. Công ty mẹ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết:

Không có

5.2. Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết:

Không có

[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]

5.3. Công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại:

Danh sách các Công ty con trực tiếp và công ty con gián tiếp của GDA

ST T	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngày thành lập	GCNĐKKD số	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn Điều lệ của các công ty con tại 30/06/2026 (đơn vị tính: triệu đồng)	Tỷ lệ của các công ty con tại TCĐKNY tại 30/06/2026		Tỷ lệ của TCĐKNY tại các công ty con tại 30/06/2026	
							Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1	Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Bắc Ninh	Nhà RBF-Q, Khu RBF, số 36, đường 05, VSIP Bắc Ninh, X. Đại Đồng, T. Bắc Ninh	05/05/2017	2300982287	Mua bán thép các loại	9.000	0	0%	100%	100%
2	Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Đà Nẵng	Lô D, đường số 4, KCN Hòa Khánh, P.Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng	11/06/2014	401610098	Mua bán thép các loại	50.000	0	0%	100%	100%
3	Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á	Lô D9, đường số 4, KCN Nhựt Chánh, xã Bình	28/04/2016	1101819799	Mua bán và sản xuất các sản phẩm	43.000	0	0%	100%	100%

	Long An	Đức, T. Tây Ninh			thép					
4	Công ty TNHH Logistics Hưng Việt	Lô CN16, Ô số 9-10, đường số 6, KCN Sóng Thần 3, P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh	29/06/2017	3702576537	Cung cấp dịch vụ vận tải	50.000	0	0%	100%	100%
5	Công ty TNHH Đầu tư và Địa ốc Đông Á Miền Trung (*)	Đường Võ Như Hưng, Khối phố Quảng Lăng B, P. Điện Bàn Đông, TP. Đà Nẵng	01/04/2015	4001022892	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	52.000	0	0%	95%	95%
6	Công ty TNHH Đông Á – Phú Mỹ (“Đông Á Phú Mỹ”)	Lô Q1, đường D3, KCN Chuyên sâu Phú Mỹ 3, P. Tân Phước, TP. Hồ Chí Minh	15/04/2024	3502519436	Mua bán và sản xuất các sản phẩm thép	560.000	0	0%	100%	100%
7	Công ty TNHH MTV Đông Á – Phú Mỹ 1 (“Đông Á Phú Mỹ 1”)	Đường 1A, Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	22/04/2025	3502544376	Mua bán và sản xuất các sản phẩm thép	110.000	0	0%	100%	100%

8	Công ty PT Indo Vina Steel	Số 91, Đường Tanah Abang II, Xã/ khu phố Cideng, Quận Gambir, Thành phố Jakarta Trung tâm Hành chính, Tỉnh DKI Jakarta	22/11/2024	2211240061376	Mua bán và sản xuất các sản phẩm thép	31 tỷ IDR	0	0%	51%	51%
9	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đông Á	18 Hồ Văn Huê, Phường Đức Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh	03/03/2026	0319424807	Kinh doanh bất động sản	300.000	0	0%	100%	100%
10	Công ty TNHH Phát triển Đông Á Mekong (**)	Đường 3A, KCN Sông Hậu Giai đoạn 1, xã Châu Thành, Tp. Cần Thơ	6300395991	22/06/2026	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự	1.000	0	0%	100%	100%

Nguồn: GDA

(*) Công ty TNHH Đầu tư và Địa ốc Đông Á Miền Trung là Công ty con gián tiếp, được sở hữu 95% bởi Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Đà Nẵng là công ty con trực tiếp của GDA.

(**) Công ty TNHH Phát triển Đông Á Mekong là Công ty con gián tiếp, được sở hữu 100% bởi Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đông Á là công ty con trực tiếp của GDA.

Tình hình hoạt động của các công ty con trong các năm 2024 và 2025 và đến hiện tại (đơn vị tính: triệu đồng)

Stt	Công ty	VĐL tại 30/06/2026	2024		2025		06 tháng đầu năm 2026	
			Doanh thu thuần	Lợi nhuận	Doanh thu thuần	Lợi nhuận	Doanh thu thuần	Lợi nhuận
1	Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Bắc Ninh	9.000	837.825	10.253	939.936	12.752	430.203	1.955
2	Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Đà Nẵng	50.000	453.928	20.329	652.884	3.457	263.521	5.588
3	Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Long An	43.000	1.056.566	19.562	1.854.444	25.115	906.113	7.183
4	Công ty TNHH Logistics Hưng Việt	50.000	204.925	10.167	188.724	1.484	119.889	12.582
5	Công ty TNHH Đông Á – Phú Mỹ (“Đông Á Phú Mỹ”)	560.000	-	(110)	-	(420)	-	(594)
6	Công ty TNHH MTV Đông Á – Phú Mỹ 1	110.000	Chưa thành lập		4.481	(558)	116.244	(10.464)
7	Công ty PT Indo Vina Steel	31 tỷ IDR	Chưa phát sinh		32.571	145	-	(5.229)
8	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đông Á	300.000	Chưa thành lập		Chưa thành lập		-	(546)

Nguồn: GDA

Ngoài ra, tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có hai (2) công ty con gián tiếp là Công ty TNHH Đầu tư và Địa ốc Đông Á Miền Trung và Công ty TNHH Phát triển Đông Á Mekong chưa phát sinh doanh thu trong năm 2024 -2025 và 6 tháng 2026.

5.4. Công ty mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

Không có

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Quá trình tăng vốn của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Thời điểm tăng vốn	Giá trị vốn tăng thêm	VĐL sau khi tăng (VND)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ	Đơn vị cấp phép
Lần đầu: 2009	-	120.000.000.000	Góp vốn và chuyển đổi thành CTCP	▪ GCN ĐKDN số 3700255880, cấp ngày 02/02/2009	▪ Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương
Lần 1: 2011	80.700.000.000	200.700.000.000	Phát hành riêng lẻ và Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	▪ GCN ĐKDN số 3700255880, cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 16/03/2011	▪ Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương
Lần 2: 2013	29.053.410.000	229.753.410.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ và Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho NLĐ	▪ GCN ĐKDN số 3700255880, cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 27/06/2013	▪ Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương
Lần 3: 2015	72.499.780.000	302.253.190.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ, Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa	▪ GCN ĐKDN số 3700255880, cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 13/08/2015	▪ Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương

Thời điểm tăng vốn	Giá trị vốn tăng thêm	VĐL sau khi tăng (VND)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ	Đơn vị cấp phép
			chọn cho NLD và Phát hành cổ phiếu trả cổ tức		
Lần 4: 12/2015	10.298.380.000	312.551.570.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	▪ GCN ĐKDN số 3700255880, cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 29/12/2015	▪ Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương
Lần 5: 02/2017	49.871.020.000	362.422.590.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ và Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho NLD	▪ GCN ĐKDN số 3700255880, cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 24/02/2017	▪ Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương
Lần 6: 03/2017	362.422.590.000	724.845.180.000	Phát hành cổ phiếu thưởng cho CĐHH	▪ GCN ĐKDN số 3700255880, cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 24/03/2017	▪ Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương
Lần 7: 08/2017	16.075.000.000	740.920.180.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho NLD	▪ GCN ĐKDN số 3700255880, cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 14/08/2017	▪ Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương
Lần 8: 01/2018	75.634.320.000	816.554.500.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	▪ GCN ĐKDN số 3700255880, cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 04/01/2018	▪ Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương
Lần 9: 05/2018	42.500.000.000	859.054.500.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	▪ GCN ĐKDN số 3700255880, cấp thay đổi lần thứ 11 ngày	▪ Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương

Thời điểm tăng vốn	Giá trị vốn tăng thêm	VĐL sau khi tăng (VND)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ	Đơn vị cấp phép
				17/05/2018	
Lần 10: 08/2018	27.416.120.000	886.470.620.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	▪ GCN ĐKDN số 3700255880, cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 31/08/2018	▪ Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương
Lần 11: 06/2020	88.627.640.000	975.098.260.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	▪ GCN ĐKDN số 3700255880, cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 18/06/2020	▪ Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương
Lần 12: 06/2021	48.130.030.000	1.023.228.290.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho NLĐ	▪ GCN ĐKDN số 3700255880, cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 30/06/2021	▪ Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương
Lần 13: 04/2022	123.686.810.000	1.146.915.100.000	Phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng	▪ Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 333/GCN-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp cho CTCP Tôn Đông Á ngày 31/12/2021 ▪ Công văn của UBCK về việc nhận được tài liệu báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của CTCP Tôn Đông Á số 1316/UBCK-QLCB ngày 18/03/2022 ▪ GCN ĐKDN số 3700255880, cấp thay đổi lần thứ 16 ngày	▪ UBCKNN ▪ Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương

Thời điểm tăng vốn	Giá trị vốn tăng thêm	VDL sau khi tăng (VND)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ	Đơn vị cấp phép
				08/04/2022	
Lần 14: 09/2025	344.073.410.000	1.490.988.510.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	▪ Thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 10/09/2025 về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức ▪ GCN ĐKDN số 3700255880, cấp thay đổi lần thứ 19 ngày 26/09/2025	▪ UBCKNN ▪ Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh

Nguồn: GDA

Ý kiến của đơn vị kiểm toán đối với các lần tăng vốn: không có

[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ Chức Đăng Ký Niên Yết tại các doanh nghiệp khác

Công ty không có khoản góp vốn, thoái vốn nào trong 02 năm 2024 và 2025 và đến thời điểm của Bản cáo bạch này có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên của Công ty tại doanh nghiệp khác.

Cập nhật thông tin việc đầu tư thêm vốn vào Công ty PT Indo Vina Steel, góp vốn thành lập Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đông Á và đầu tư thêm vốn vào Đông Á – Phú Mỹ:

- Vào ngày 2 tháng 2 năm 2026, Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 04/2026/NQ-HĐQT-TDA, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc đầu tư thêm vốn vào Công ty PT Indo Vina Steel, công ty con của Công ty, nhằm tăng quy mô dự án lên 140.000 tấn/năm. Theo đó, vốn góp của Công ty sẽ tăng từ 25.980.561.414 VND lên thành 101.107.338.260 VND. Hiện nay, Công ty đã hoàn tất thủ tục xin giấy phép đầu tư, đang trong quá trình phối hợp với các bên có liên quan để thực hiện các thủ tục liên quan đến thi công xây dựng nhà máy và chuyển vốn đầu tư.

- Vào ngày 6 tháng 2 năm 2026, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 05/2026/NQ-HĐQT-TDA, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua chủ trương góp vốn thành lập Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đông Á nhằm kinh doanh bất động sản theo GCNĐKDN số 0319424807 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 3 năm 2026, theo đó vốn đầu tư ban đầu là 80.000.000.000 VND. Và tại Nghị quyết HĐQT Công ty số 17/2026/NQ-HĐQT-TDA ngày 24/06/2026 Công ty thông qua việc đầu tư thêm 220.000.000.000 VND vào công ty con này. Đến nay, Công ty đã góp vốn đủ Vốn điều lệ 300.000.000.000 VND theo quy định.

- Vào ngày 25 tháng 2 năm 2026, Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 09/2026/NQ-HĐQT-TDA, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc đầu tư thêm vốn vào Đông Á - Phú Mỹ, công ty con của Công ty, với tổng giá trị là 590.000.000.000 VND. Theo đó, vốn điều lệ của Đông Á - Phú Mỹ sẽ tăng từ 210.000.000.000 VND lên thành 800.000.000.000 VND. Đến nay, Công ty đã tăng đầu tư thêm vốn vào Đông Á - Phú Mỹ là 350.000.000.000 VND. Theo đó, vốn điều lệ của Đông Á - Phú Mỹ sẽ tăng từ 210.000.000.000 VND lên thành 560.000.000.000 VND, phần còn lại sẽ hoàn tất góp vốn trong năm 2026.

- Vào ngày 2 tháng 6 năm 2026, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 15/2026/NQ-HĐQT-TDA ngày 2 tháng 6 năm 2026, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua chủ trương góp vốn thành lập Công ty TNHH Phát triển Đông Á Mekong nhằm kinh doanh bất động sản theo GCNĐKDN số 6300395991 do Sở Tài chính Thành phố Cần Thơ cấp ngày 22 tháng 6 năm 2026 với vốn góp lần đầu 1.000.000.000 VND.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 09/09/2026

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	2.201	122.177.708	81,95%
1	Cổ đông tổ chức	9	947.989	0,64%
	Trong đó: Nhà nước	-	-	
2	Cổ đông cá nhân	2.192	121.229.719	81,31%
II	Cổ đông nước ngoài	21	26.921.143	18,05%
1	Cổ đông tổ chức	6	25.634.310	17,19%
2	Cổ đông cá nhân	16	1.286.833	0,86%
III	Cổ đông là tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ			
	Tổng cộng	2.222	149.098.851	100,00%

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 09/09/2026

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có

8.3. Các loại chứng khoán khác

❖ Trái phiếu:

i. Mã trái phiếu TDACB01_2014

- Loại trái phiếu: Trái phiếu chuyển đổi không đảm bảo
- Mệnh giá: 100.000 đồng/ trái phiếu
- Số lượng trái phiếu: 559.067 trái phiếu
- Giá trị phát hành: 55.906.700.000 đồng
- Lãi suất danh nghĩa: 5%/ năm

- Lãi suất chiết khấu: 6,3%/ năm
- Ngày đến hạn: 28/04/2028 (*)
- Hình thức phát hành: phát hành riêng lẻ

(*) Vào ngày 17 tháng 3 năm 2014, Công ty đã ký kết Hợp đồng Đặt mua Trái phiếu ("HĐĐMTP") với Công ty TNHH Posco Việt Nam ("Posco Việt Nam"), một công ty con của Tập đoàn POSCO và được thành lập tại Việt Nam. Theo đó, vào ngày 28 tháng 4 năm 2014, Công ty đã phát hành 559.067 trái phiếu chuyển đổi không đảm bảo với mệnh giá mỗi trái phiếu là 100.000 VND cho Posco Việt Nam để đầu tư lắp đặt hai (2) dây chuyền sản xuất mới. Thời hạn gốc của hợp đồng là ba (3) năm, tuy nhiên được gia hạn nhiều lần sau đó. Lần gần nhất, vào ngày 08 tháng 4 năm 2026, Công ty và Posco Việt Nam đã ký phụ lục mới nhất - Phụ lục số 10 của HĐĐMTP - ngày đáo hạn mới nhất sẽ là ngày 28 tháng 4 năm 2028. Vì vậy, khoản Trái phiếu chuyển đổi được trình bày dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này. Theo đó, nếu việc chuyển đổi được thực hiện, trái phiếu sẽ được tự động chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông theo giá chuyển đổi dự kiến là 21.900 VND/cổ phiếu hoặc giá được thỏa thuận vào ngày đáo hạn, với số lượng cổ phiếu dự kiến chuyển đổi tối đa là 2.552.817 cổ phiếu.

ii. Thông tin về các khoản trái phiếu đang đầu tư, cập nhật đến thời điểm hiện tại

Đơn vị: triệu đồng

Thông tin	31/12/2025	30/06/2026
1. Trái phiếu ngắn hạn:	2.474.939	1.632.725
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong (phân loại là ngắn hạn dựa theo thời hạn dự kiến chuyển nhượng/bán lại trong vòng 9 tháng kể từ thời điểm mua (từ ngày 13/06/2025 đến ngày 05/06/2026), lãi suất 6,78%/năm)	308.377	-
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (phân loại là ngắn hạn dựa theo thời hạn dự kiến chuyển nhượng/bán lại trong vòng 3 tháng kể từ thời điểm mua (từ ngày 09/12/2025 đến ngày 30/03/2026), lãi suất từ 7,80% đến 9,00%/năm)	1.222.061	-
- Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet (phân loại là ngắn hạn dựa theo thời hạn dự kiến chuyển nhượng/bán lại trong vòng 3 – 6 tháng kể từ thời điểm mua (từ	944.500	1.580.830

Thông tin	31/12/2025	30/06/2026
ngày 06/10/2025 đến ngày 23/12/2026), lãi suất từ 7,90% đến 9,80%/năm)		
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (phân loại là ngắn hạn dựa theo thời hạn dự kiến chuyển nhượng/bán lại trong vòng 27 ngày kể từ thời điểm mua (từ ngày 05/06/2026 đến ngày 02/07/2026), lãi suất 7,50%/năm)	0	51.895
2. Trái phiếu dài hạn:	265.278	324.113
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (kỳ hạn 120 tháng kể từ thời điểm mua (ngày 18/11/2021 và ngày 20/07/2023, 20/01/2026), lãi suất từ 5,68% đến 6,45%/năm)	112.664	167.273
- Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam (phân loại là dài hạn dựa theo thời hạn dự kiến chuyển nhượng/bán lại trong vòng 24 tháng kể từ thời điểm mua (ngày 10/09/2025), lãi suất 5,68%/năm)	152.614	156.839
Tổng cộng ((1) + (2))	2.740.217	1.956.837

Nguồn: BCTC HN kiểm toán năm 2025 và BCTC HN bán niên soát xét năm 2026

Tại thời điểm 30/06/2026, các trái phiếu nêu trên đều được đăng ký lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, giao dịch tập trung/niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết theo quy định pháp luật: 49%.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ Công ty (nếu có): 49%.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết theo công văn số 5752/UBCK-PTTT của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 25/08/2022 là: 49%.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết tại thời điểm ngày 09/09/2026 là: 18,05%.

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1. Các hoạt động kinh doanh/ sản phẩm chính

Tôn Đông Á là doanh nghiệp hoạt động trong ngành thép, chuyên sản xuất các sản phẩm thuộc lĩnh vực trung đến hạ nguồn, với nguyên liệu đầu vào chính là thép cuộn cán nóng (HRC).

Nguyên vật liệu: ngoài thép cuộn cán nóng (HRC) – chiếm tỷ trọng lớn nhất, các nguyên vật liệu khác bao gồm: kẽm thỏi, hợp kim nhôm kẽm, sơn công nghiệp và các loại hóa chất phụ trợ.

- Công ty hiện đang duy trì cơ cấu nguồn cung ứng nguyên vật liệu linh hoạt, kết hợp giữa nguồn cung nội địa và nguồn nhập khẩu nhằm tối ưu hóa chi phí và chất lượng. Việc kết hợp đa dạng hóa nguồn cung giúp Công ty chủ động hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hạn chế rủi ro phụ thuộc vào một nhà cung cấp hoặc một thị trường nhất định, đồng thời đảm bảo tính liên tục của chuỗi cung ứng trong bối cảnh thị trường thép có nhiều biến động. Trong những năm gần đây, nguồn cung HRC nhìn chung tương đối ổn định nhờ sự gia tăng năng lực sản xuất trong nước cùng với khả năng tiếp cận các thị trường nhập khẩu lớn trong khu vực. Bên cạnh đó, Công ty duy trì quan hệ hợp tác lâu dài với các nhà cung cấp uy tín, qua đó hỗ trợ ổn định về tiến độ giao hàng, chất lượng nguyên liệu và khả năng thương lượng giá mua.
- + Đối với nguồn nội địa: Công ty ưu tiên thu mua Thép cuộn cán nóng (HRC) từ các nhà sản xuất thép quy mô lớn và uy tín trong nước như Hòa Phát, Formosa Hà Tĩnh Việc gia tăng tỷ trọng nguồn cung nội địa giúp Công ty rút ngắn thời gian giao hàng, giảm thiểu chi phí logistics và hạn chế rủi ro biến động tỷ giá.
- + Đối với nguồn nhập khẩu: Nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng khắt khe cho các dòng sản phẩm xuất khẩu đi thị trường Mỹ, Châu Âu, Công ty tiến hành nhập khẩu HRC, nhôm, kẽm thỏi từ các nhà cung cấp uy tín hàng đầu tại Nhật Bản, Hàn Quốc và một số quốc gia khác.
- Sự ổn định của các nguồn cung cấp nguyên vật liệu: Công ty luôn duy trì tính ổn định của chuỗi cung ứng thông qua chiến lược đa dạng hóa nhà cung cấp, không phụ thuộc vào bất kỳ một nhà cung cấp duy nhất nào để tránh rủi ro đứt gãy. Công ty thiết lập mối quan hệ hợp tác chiến lược và ký kết các hợp đồng nguyên tắc dài hạn với các đối tác lớn, đảm bảo sản lượng nguyên liệu đầu vào luôn được ưu tiên cung cấp ngay cả trong giai đoạn thị trường khan hiếm. Bên cạnh đó, với hệ thống nhà máy và kho bãi quy mô lớn tại Nhà máy Thủ Dầu Một, Nhà máy Sóng Thần 1 và các kho bãi khác, Công ty có năng lực dự trữ lượng hàng tồn kho an toàn, đảm bảo dây chuyền sản xuất luôn được vận hành liên tục và xuyên suốt.
- Tuy nhiên, giá HRC chịu ảnh hưởng đáng kể từ biến động của thị trường hàng hóa toàn cầu, giá quặng sắt, than cốc, chi phí vận chuyển, tỷ giá ngoại tệ cũng như các

yếu tố địa chính trị và chính sách thương mại quốc tế. Do nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá vốn hàng bán, biến động giá HRC có tác động trực tiếp đến biên lợi nhuận của Công ty. Trong ngắn hạn, khi giá HRC thế giới tăng cao đột biến, nếu Công ty không kịp thời điều chỉnh giá bán tôn thành phẩm tương ứng do áp lực cạnh tranh, biên lợi nhuận gộp sẽ bị thu hẹp. Trong chu kỳ giá thép đảo chiều giảm sâu, việc nắm giữ lượng hàng tồn kho giá cao có thể buộc Công ty phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận ròng. Ngược lại, khi giá thép đang trong chu kỳ tăng trưởng, việc nắm giữ lượng hàng tồn kho giá thấp được mua từ trước, giúp công ty gia tăng biên lợi nhuận gộp, góp phần gia tăng lợi nhuận ròng.

Các dòng sản phẩm:

Công ty tập trung sản xuất các sản phẩm thép có giá trị gia tăng cao như thép lá mạ kẽm (tôn kẽm), thép lá mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), thép lá mạ kẽm màu, thép lá đen mạ màu, thép lá mạ hợp kim nhôm kẽm màu (tôn lạnh màu). Trong chuỗi giá trị của mình, Tôn Đông Á cũng sản xuất và buôn bán các sản phẩm như thép cuộn cán nguội và thép tẩy rỉ phủ dầu. Sản phẩm của Tôn Đông Á có chất lượng cao, được chứng nhận bởi Quatest 3 cho các tiêu chuẩn quốc tế như JIS (tiêu chuẩn Nhật Bản), AS (tiêu chuẩn Úc), ASTM (Tiêu chuẩn Mỹ), và BS-EN (Tiêu chuẩn Anh). Tôn Đông Á là một trong những doanh nghiệp lớn về sản xuất thép lá mạ tại Việt Nam, khẳng định vị thế với sản phẩm đạt các tiêu chuẩn quốc tế khắt khe, phục vụ các thị trường khó tính như Mỹ, Châu Âu và Nhật Bản. Công ty có lợi thế với các dây chuyền mạ hiện đại nhất trong khu vực, cho phép sản xuất tôn mạ kẽm, mạ lạnh và mạ màu với độ bền hơn so với tiêu chuẩn ngành, phục vụ các phân khúc cao cấp như tôn mạ trong lắp ráp thiết bị gia dụng.

Sản phẩm chính của Tôn Đông Á bao gồm:

- Tôn kẽm/Tôn kẽm màu;
- Tôn lạnh/Tôn lạnh màu;
- Thép hộp mạ kẽm; và
- Thép cán nguội/ Tôn đen.

Tôn Đông Á là doanh nghiệp sản xuất tôn đầu tiên tại Việt Nam có bộ nhận diện thương hiệu, khẳng định chất lượng sản phẩm cũng như uy tín của Công ty trong ngành

[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]

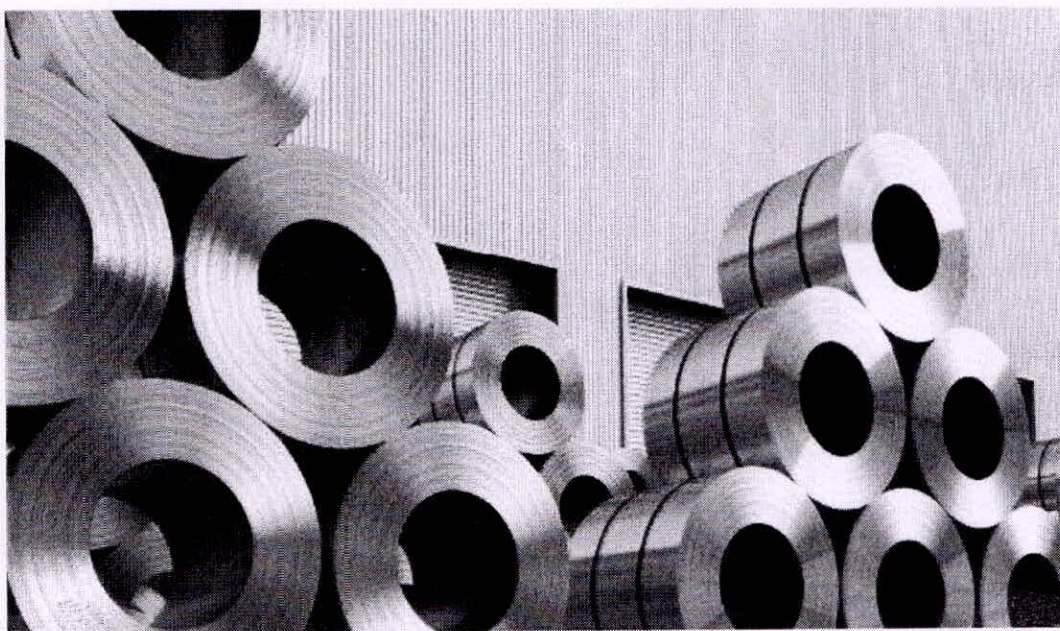
Hình 3. Bộ nhận diện thương hiệu dòng tôn lạnh/lạnh màu của Tôn Đông Á

Chất lượng cao		Tiêu chuẩn cao		Tiêu chuẩn	
KINGALUZIN (KING LẠNH)	KINGCOLOR (KING MÀU)	WINALUZIN (WIN LẠNH)	WINCOLOR (WIN MÀU)	SVIETALUZIN (S VIỆT LẠNH)	SVIETCOLOR (S VIỆT MÀU)
 KINGALUZIN KING LẠNH	 KINGCOLOR KING MÀU	 WINALUZIN WIN LẠNH	 WINCOLOR WIN MÀU	 SVIETALUZIN S VIỆT LẠNH	 SVIETCOLOR S VIỆT MÀU

Cao cấp & Chuyên ngành KINGMAX					
 KINGMAX PVDF	 KINGMAX LEED	 KINGMAX CLEAN	 KINGMAX PANEL	 KINGMAX METALLIC	 KINGMAX SMP

Nguồn: GDA

❖ Tôn kẽm/Tôn kẽm màu



Tôn kẽm (Hot-dip zinc coated steel sheet in coil - GI), còn được gọi là thép mạ kẽm, là thép cán nguội được mạ kẽm. Tôn kẽm có khả năng chống ăn mòn cao trong môi trường

tự nhiên. Tôn kẽm thường được dùng cho ngành công nghiệp xây dựng và dân dụng (xà gồ mái, xà gồ vách, tấm lót sàn, tấm lợp, vách ngăn, ống thông gió, nguyên liệu làm ống hộp) và ứng dụng trong ngành thiết bị gia dụng.

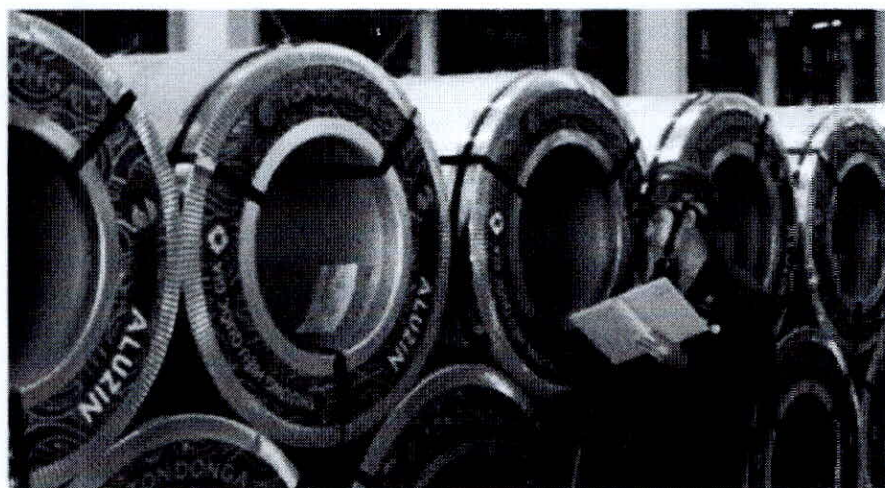
Tôn kẽm được sản xuất từ thép cán nguội qua dây chuyền mạ kẽm với các công đoạn tẩy rửa sạch bề mặt, được ủ trong lò NOF để làm thay đổi cơ tính thép, sau đó được mạ một lớp kẽm theo nguyên lý mạ nhúng nóng với công nghệ dao gió và cuối cùng được phủ một lớp bảo vệ bề mặt chống oxy hóa như crom. Sản phẩm tuân theo tiêu chuẩn JS G3302, ASTM A653, AS1397, và BS-EN 10346.

Màng tôn kẽm của Tôn Đông Á cho ra những sản phẩm có độ bóng và bông vân nhỏ, thành phần lớp phủ đạt tới 99% kẽm và được phân loại thành tôn kẽm Z80 – Z350 tùy vào khối lượng mạ mà khách hàng yêu cầu từ 80 gram/m²/2 mặt đến 350 gram/m²/2 mặt.

Tôn kẽm màu được sản xuất từ tôn kẽm, trải qua quá trình tẩy rửa sau đó sẽ được phủ một lớp phụ gia giúp làm tăng độ bám dính, sau đó phủ một lớp sơn lót trước khi sơn chính thức và sấy khô

❖ Tôn lạnh

Tôn lạnh hay thép lá mạ hợp kim nhôm kẽm (galvalume - GL) là thép cán nguội được mạ hợp kim nhôm kẽm với thành phần 55% Al, 43,5% Zn và 1,5% Si. Tôn lạnh có khả năng chống ăn mòn cao, phản xạ nhiệt tốt và có tuổi thọ lâu dài, thường được dùng trong ngành công nghiệp xây dựng và dân dụng (như tấm lợp, vách ngăn, ván trần, cửa cuốn...) hay điện công nghiệp (như nhà, vỏ bọc của các thiết bị điện...) và trang trí nội thất.



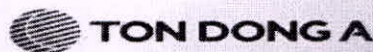
Tôn lạnh được sản xuất từ thép cán nguội đã được tẩy rỉ và phủ dầu, được cho qua dây chuyền mạ lạnh với các công đoạn tẩy rửa sạch bề mặt, tẩy rỉ lần nữa rồi ủ trong lò NOF để làm thay đổi cơ tính lá thép. Sau đó được mạ một lớp nhôm kẽm theo nguyên lý mạ

nhúng nóng với công nghệ dao gió và cuối cùng được phủ một lớp bảo vệ bề mặt chống oxy hóa (như antifinger, dầu, crom...).

Tôn Đông Á là doanh nghiệp nội địa đầu tiên trong ngành tôn chính thức xây dựng và công bố bộ nhận diện thương hiệu, bắt đầu với dòng sản phẩm tôn lạnh và tôn lạnh màu. Sản phẩm được phân tách rõ ràng theo từng phân khúc phổ thông – tiêu chuẩn – cao cấp với tiêu chuẩn chất lượng chi tiết ứng với từng mẫu mã sản phẩm, vì vậy đáp ứng được nhu cầu của nhiều đối tượng khách hàng khác nhau.

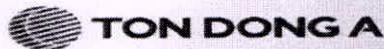
- Nhãn hàng tiêu chuẩn SVIETALUZIN (AZ75): sản phẩm SVIETALUZIN được sản xuất và bảo hành theo tiêu chuẩn của Tôn Đông Á - TDA/MOD. Sản phẩm có khối lượng lớp mạ hợp kim nhôm kẽm là 75 gam/m²/2 mặt.

**SVIETALUZIN K4B4 081122 0.35MM(+/-0.06)
2.92KG/M(+/-0.10) 17:33:40 0160M**



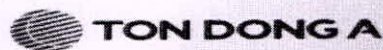
- Nhãn hàng tiêu chuẩn cao WINALUZIN (AZ100): sản phẩm WINALUZIN đạt tiêu chuẩn JIS G3321, AS 1397, ASTM A792, BS-EN 10346. Sản phẩm có khối lượng lớp mạ hợp kim nhôm kẽm dày là 100 gam/m²/2 mặt.

**WINALUZIN K4B4 081122 0.40MM(+/-0.04)
3.52KG/M(+/-0.08) 17:33:40 0160M**



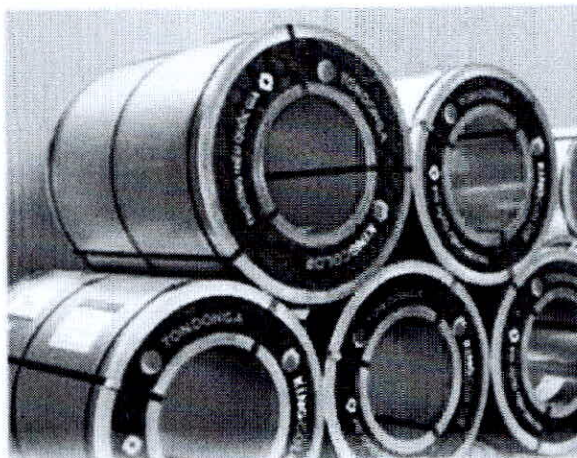
- Nhãn hàng chất lượng cao KINGALUZIN (AZ150): sản phẩm KINGALUZIN đạt tiêu chuẩn JIS G3321, AS 1397, ASTM A792, BS-EN 10346. Sản phẩm có khối lượng lớp mạ hợp kim nhôm kẽm là 150 gam/m²/2 mặt.

**KINGALUZIN K4B4 081122 0.50MM(+/-0.04)
4.43KG/M(+/-0.08) 17:33:40 0160M**



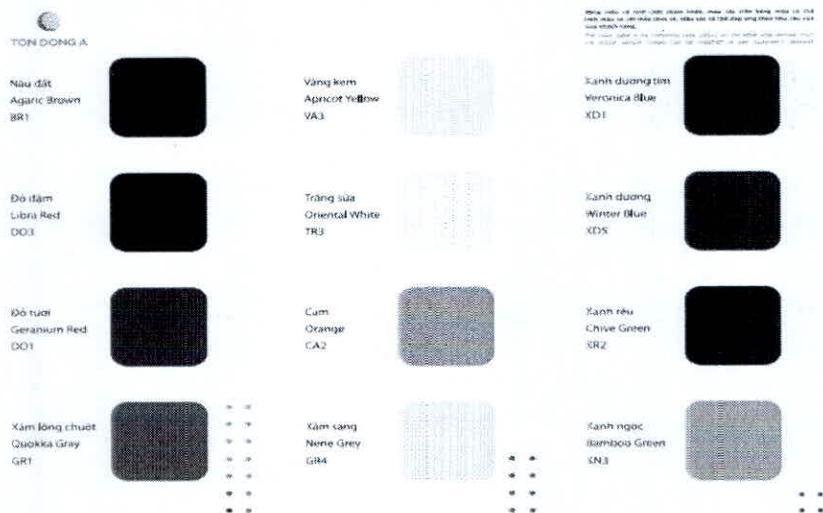
- Nhãn hàng chất lượng cao KINGMAX GL: sản phẩm KINGMAX GL đạt tiêu chuẩn JIS G3321, AS 1397, ASTM A792, BS-EN 10346. Sản phẩm chuyên dụng cho các công trình nhà xưởng, xí nghiệp có đồ mạ (100-200 gam/m²/2 mặt).

❖ Tôn lạnh màu



Thép mạ hợp kim nhôm kẽm phủ sơn hay tôn lạnh màu thương hiệu Tôn Đông Á là sản phẩm chất lượng cao với sự kết hợp giữa lớp mạ hợp kim nhôm kẽm và lớp sơn phủ cao cấp cho ra sản phẩm hoàn thiện có tính thẩm mỹ cao, độ bám dính tốt, rất bền màu và chống trầy xước; chống nóng hiệu quả, đa dạng về màu sắc. Sản phẩm được bao gồm 4 lớp sơn: (1) lớp mạ hợp kim Al-Zn-Si (2) lớp xử lý hóa chất (3) lớp sơn lót và (4) lớp sơn hoàn thiện. Với việc đề cao tính thẩm mỹ trong dòng sản phẩm này, bảng màu của dòng sản phẩm bao gồm đa dạng màu sắc để khách hàng có thể lựa chọn.

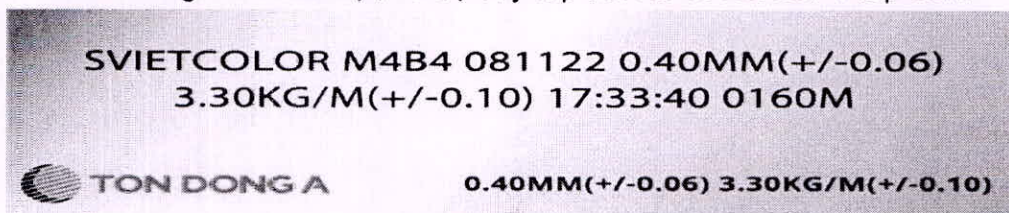
Hình 4: Bảng màu cho sản phẩm tôn màu của Tôn Đông Á



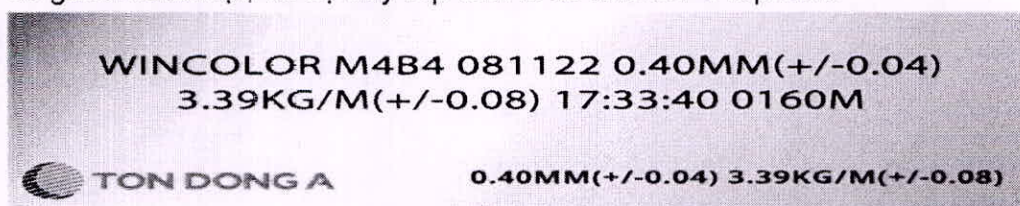
Nguồn: GDA

Giống như dòng tôn lạnh, Tôn Đông Á phân phối tôn lạnh màu trên thị trường qua ba phân khúc phổ thông – tiêu chuẩn – cao cấp.

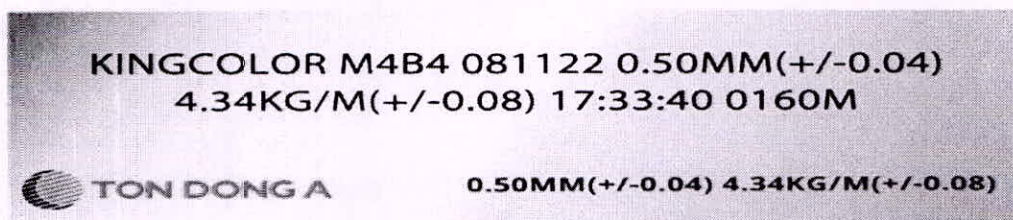
- Nhãn hàng tiêu chuẩn SVIETCOLOR (AZ30): sản phẩm SVIETCOLOR được sản xuất và bảo hành theo tiêu chuẩn của Tôn Đông Á - TDA/MOD. Khối lượng lớp mạ hợp kim nhôm kẽm là 30 gam/m²/2 mặt, và độ dày lớp sơn là 18 micron/ 4 lớp sơn.



- Nhãn hàng tiêu chuẩn cao WINCOLOR (AZ50): dòng sản phẩm tuân theo tiêu chuẩn JIS G3322, AS/NZS 2728, ASTM A755, BS-EN 10169. Khối lượng lớp mạ hợp kim nhôm kẽm là 50 gam/m²/2 mặt, và độ dày lớp sơn là 20 micron/ 4 lớp sơn.



- Nhãn hàng chất lượng cao KINGCOLOR (AZ100): dòng sản phẩm tuân theo tiêu chuẩn JIS G3322, AS/NZS 2728, ASTM A755, BS-EN 10169. Khối lượng lớp mạ hợp kim nhôm kẽm là 100 gam/m²/2 mặt, và độ dày lớp sơn là 25 micron/ 4 lớp sơn sử dụng hệ sơn PE.



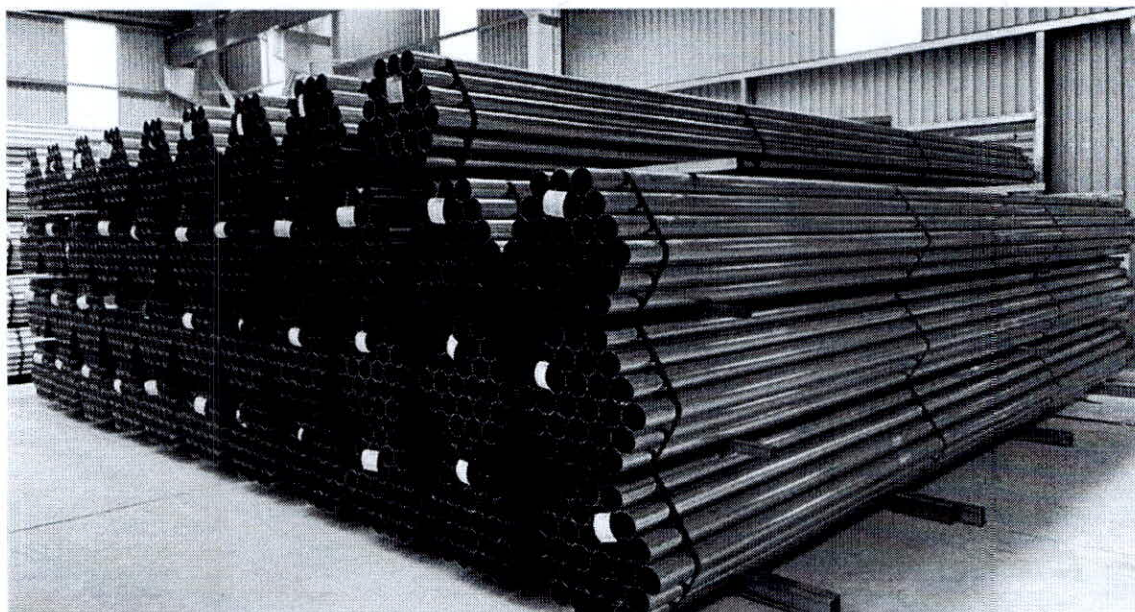
- Nhãn hàng Cao cấp & Chuyên ngành KINGMAX: dòng sản phẩm tôn màu (bao gồm cả tôn kẽm và tôn lạnh) chất lượng cao tập trung vào phạm vi ứng dụng có yêu cầu cao về độ bền màu lâu dài và khả năng chống ăn mòn vượt trội. Độ mạ lên tới 200 gam/m²/2 mặt cho hợp kim nhôm kẽm và 275 gam/m²/2 mặt cho kẽm. Nhãn hàng được phân loại nhóm sản phẩm theo nhóm sơn được sử dụng như PE, SMP/SPE, SPE- CLEAN và PVDF.

- KINGMAX PVDF: sử dụng hệ sơn PVDF phù hợp làm vách, tấm lợp cho các nhà máy sản xuất có phát sinh hơi hoá chất hoặc đọng ẩm cao như nhà máy sản xuất hóa chất, nhà máy nhuộm, resort, hồ bơi, ...



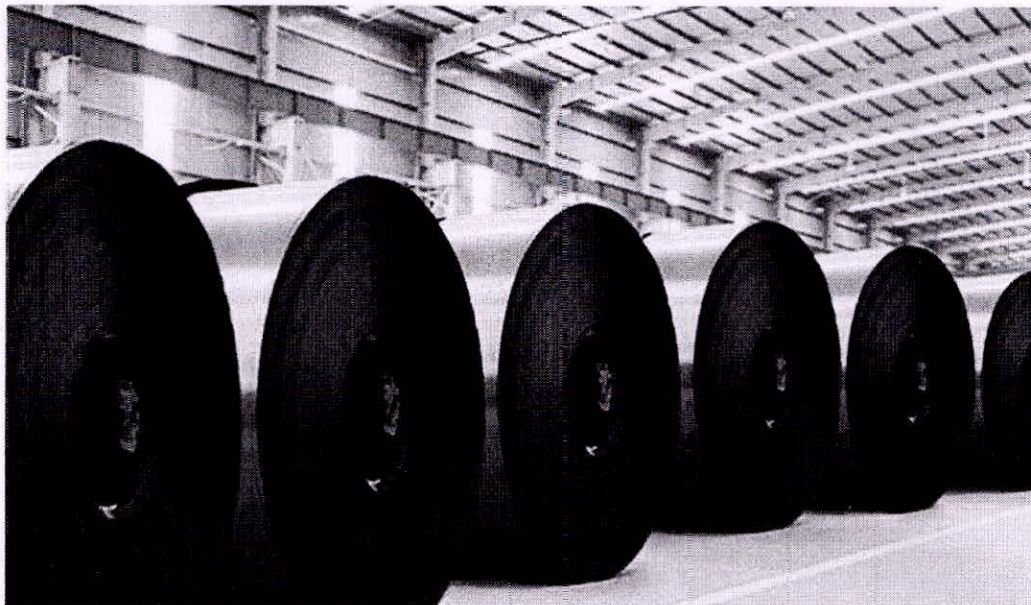
- KINGMAX CLEAN: sử dụng hệ sơn SPE-CLEAN phù hợp để làm vách, tấm lợp cho các công trình đòi hỏi khả năng tự làm sạch mái lợp (dưới cơ chế ưa nước), và có độ bền màu cao hơn so với PE và SPE thông thường.
- KINGMAX SMP: sử dụng hệ sơn SMP/SPE phù hợp cho các công trình đòi hỏi độ bền cao hoặc có sự thay đổi nhiệt độ lớn.
- KINGMAX LEED: sử dụng hệ sơn SPE với mặt chính có chỉ số SRI (Solar reflectance index) lớn hơn hoặc bằng 82, phù hợp cho các công trình xanh hoặc các công trình có yêu cầu chỉ số phản xạ ánh sáng mặt trời.
- KINGMAX PANEL: sử dụng hệ sơn PE với đặc điểm mặt lợp sử dụng hệ sơn PE/Epoxy được điều chỉnh để tạo độ bám dính. Dòng sản phẩm phù hợp với các công trình nhà lạnh, kho đông, nhà mát, các ứng dụng cách âm/cách nhiệt,...
- KINGMAX METALLIC: sử dụng hệ sơn PE phù hợp cho các công trình đòi hỏi hiệu ứng ánh kim.

❖ **Thép hộp mạ kẽm (Ống thép hộp)**



Thép hộp mạ kẽm Tôn Đông Á là thép cán nguội được sử dụng công nghệ mạ kẽm với thành phần 99% Zn, sau đó sẽ được cán thành thép hộp mạ kẽm. Thép hộp mạ kẽm có bề mặt sáng bóng, bền hơn từ 4-5 lần ống thép đen. Sản phẩm thép hộp của Tôn Đông Á được sử dụng cho ngành xây dựng công nghiệp và dân dụng, hạ tầng giao thông, thiết bị gia dụng.

❖ **Thép cán nguội/Tôn đen**



Thép cán nguội/tôn đen (cold rolled coil - CRC) là thép cacbon thấp được sử dụng làm bán thành phẩm để sản xuất sản phẩm tôn kẽm, tôn lạnh hay tôn đen màu.

Thép cán nguội được sản xuất từ thép cán nóng (hot rolled coil - HRC) như sau:

- Thép cán nóng được đưa qua dây chuyền tẩy rỉ để tẩy bỏ lớp rỉ sét bám trên bề mặt, sau đó được làm sạch và phủ một lớp dầu giúp bảo vệ bề mặt. Thép cán nóng sau khi tẩy rỉ và phủ dầu gọi là thép tẩy rỉ phủ dầu (pickled and oiled - PO).
- Thép tẩy rỉ phủ dầu được đưa vào dây chuyền cán nguội để sản xuất ra sản phẩm thép cán nguội có kích thước theo yêu cầu.

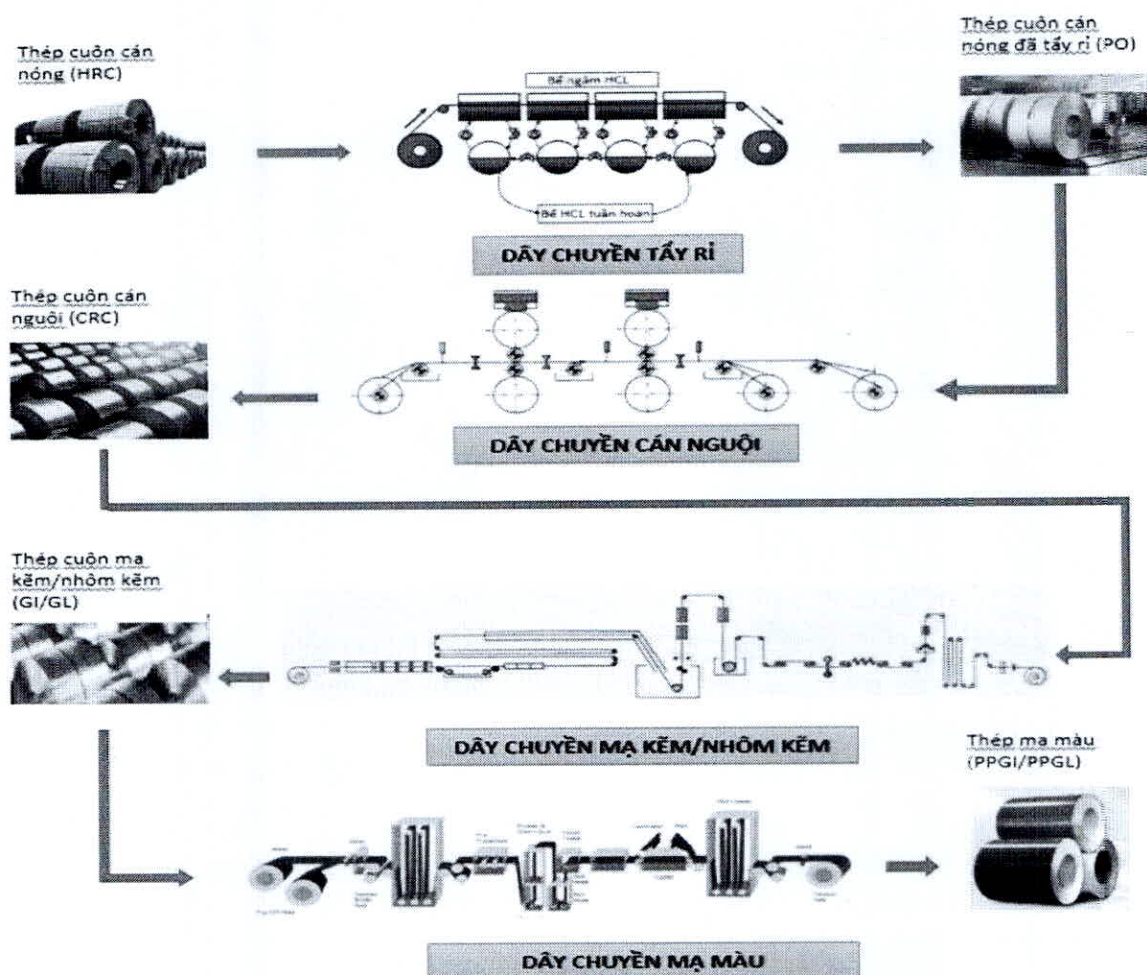
Mảng hoạt động cung cấp hàng hóa và dịch vụ khác

Phần lớn doanh thu của Tôn Đông Á đến từ các sản phẩm tiêu chuẩn chất lượng cao như tôn lạnh, tôn lạnh màu, và tôn kẽm. Bên cạnh đó, Công ty có nguồn doanh thu khác đến từ việc thương mại hàng hóa (thép cán nóng, sơn, kẽm thỏi, pallet gỗ ..), cung cấp dịch vụ (gồm dịch vụ vận chuyển hàng hóa) và thương mại các phế liệu thu hồi từ quá trình sản xuất (bao bì, nguyên liệu,... thu được từ mua nguyên liệu).

10.1.2. Quy trình sản xuất kinh doanh và Dây chuyền sản xuất

a. Quy trình sản xuất

Hình 5: Sơ đồ quy trình sản xuất cụ thể



Nguyên liệu đầu vào là Thép cuộn cán nóng (HRC) được đưa vào dây chuyền Tẩy rỉ để tạo ra Thép cuộn cán nóng đã tẩy rỉ (PO), PO được đưa vào Dây chuyền cán nguội để sản xuất ra bán thành phẩm Thép cuộn cán nguội (CRC), CRC được đưa vào công đoạn tiếp theo là Mạ kẽm hoặc Mạ nhôm kẽm trên dây chuyền mạ kẽm, dây chuyền mạ nhôm kẽm để tạo ra sản phẩm thành phẩm là Thép cuộn mạ kẽm (Tôn kẽm-GI)/ Mạ nhôm kẽm (Tôn lạnh-GL). Tiếp theo, Thép cuộn mạ kẽm/Mạ nhôm kẽm này sẽ được chuyển qua công đoạn mạ màu tại Dây chuyền mạ màu để tạo ra sản phẩm thành phẩm Thép cuộn mạ màu (Thép cuộn kẽm mạ màu (Tôn kẽm màu-PPGI) hoặc Thép cuộn nhôm kẽm mạ màu (Tôn lạnh màu-PPGL).

b. Dây chuyền sản xuất

Tính đến thời điểm hiện tại, Tôn Đông Á sở hữu và vận hành hai nhà máy bao gồm Nhà máy Thủ Dầu Một (TDM) và Nhà máy Sóng Thần 1 (ST1) với tổng công suất sản phẩm tôn 800.000 tấn/năm.

Dây chuyền	Công suất (tấn/năm)	Nhà máy
Tẩy rỉ	700.000	Thủ Dầu Một
Cán nguội 1	200.000	Thủ Dầu Một
Cán nguội 2	400.000	Thủ Dầu Một
Mạ lạnh/mạ kẽm CK4	200.000	Thủ Dầu Một
Mạ lạnh CK5	150.000	Thủ Dầu Một
Mạ lạnh/mạ kẽm CK6	350.000	Thủ Dầu Một
Mạ màu CM4	120.000	Thủ Dầu Một
Mạ màu CM1	40.000	Sóng Thần 1
Mạ màu CM2	40.000	Sóng Thần 1
Mạ màu CM3	40.000	Sóng Thần 1
Mạ lạnh CK3	100.000	Sóng Thần 1
Tổng công suất	800.000 tấn/năm	

Nguồn: GDA

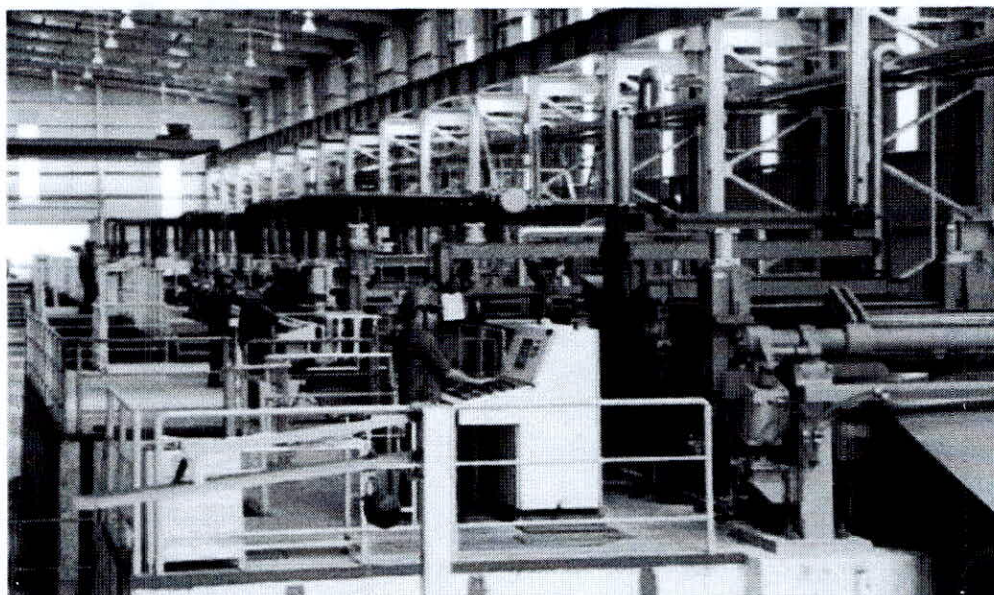
Hai nhà máy sở hữu trang thiết bị hiện đại từ các thương hiệu nổi tiếng trên khắp thế giới như Tenova (Ý), Danieli (Ý), Nippon Steel (Nhật), Teledyne (Mỹ), AT&M (Trung Quốc), Dong Bu (Hàn Quốc), GU YU (Đài Loan) và BO YA (Đài Loan). Đội ngũ kỹ sư giàu kinh nghiệm của Tôn Đông Á, kết hợp với hỗ trợ của nhóm tư vấn đến từ các doanh nghiệp thép lớn thế giới, đã xây dựng nên dây chuyền sản xuất hoàn thiện chuỗi giá trị của lĩnh vực thép trung nguồn bao gồm:

➤ **Dây chuyền tẩy rỉ (công suất 700.000 tấn/năm)**

Dây chuyền tẩy rỉ dùng để tẩy các lớp rỉ sét bám trên bề mặt cuộn thép cán nóng và xén biên cho đúng với khổ rộng như mong muốn.

Sử dụng axit tẩy bỏ lớp rỉ sét trên băng thép cán nóng, sau đó rửa sạch bằng nước. Tiếp theo là công đoạn xén biên theo yêu cầu khổ rộng nhất định của dây chuyền cán nguội, cuối cùng là công đoạn phủ dầu chống rỉ sét.

Hình 6: Dây chuyền tẩy rỉ



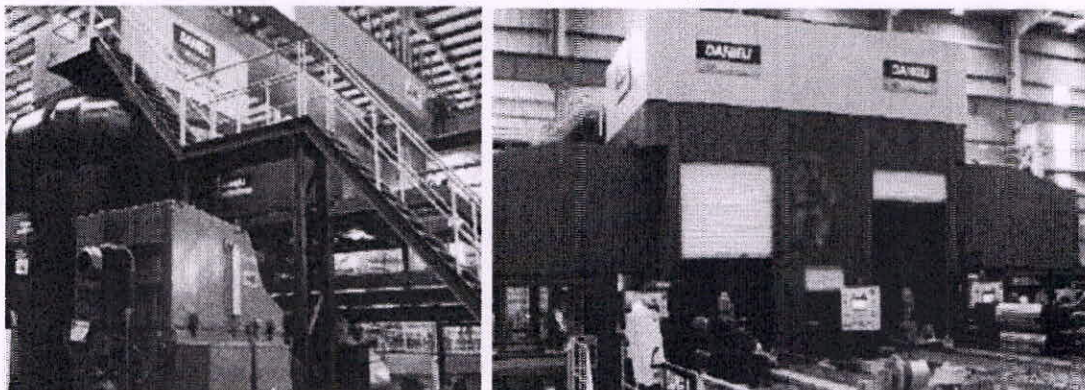
Dây chuyền được trang bị các thiết bị có thương hiệu nổi tiếng thế giới như Siemens, ABB, Parker, EMG, Rossi Motoriduttori, ... Đặc biệt hơn, công nghệ tẩy rỉ tiên tiến của Tenova giúp làm giảm tiêu hao axit và đồng thời giảm các chất thải, vì thế tối ưu hóa chi phí sản xuất.

➤ **Dây chuyền cán nguội (tổng công suất 600.000 tấn/năm cho 2 dây chuyền)**

Dây chuyền cán nguội dùng để sản xuất thép cán nguội từ thép cán nóng đã qua tẩy rỉ và phủ dầu. Thép cán nóng sau khi được tẩy rỉ và phủ dầu sẽ được cán lại theo nguyên lý biến dạng dẻo nhờ lực tác dụng từ trục cán lên bề mặt băng thép, để có được độ dày đúng yêu cầu sử dụng.

Dây chuyền cán nguội đảo chiều 2 giá cán 4 trục của nhà cung cấp Danieli Co. Ltd sử dụng hệ thống điều khiển HiPAC công nghệ mới. Cùng với quá trình sản xuất được tự động hóa hoàn toàn kiểm soát độ dày và độ phẳng trên mỗi lần cán đảm bảo chất lượng cao. Tốc độ cán 1.200 mét/phút.

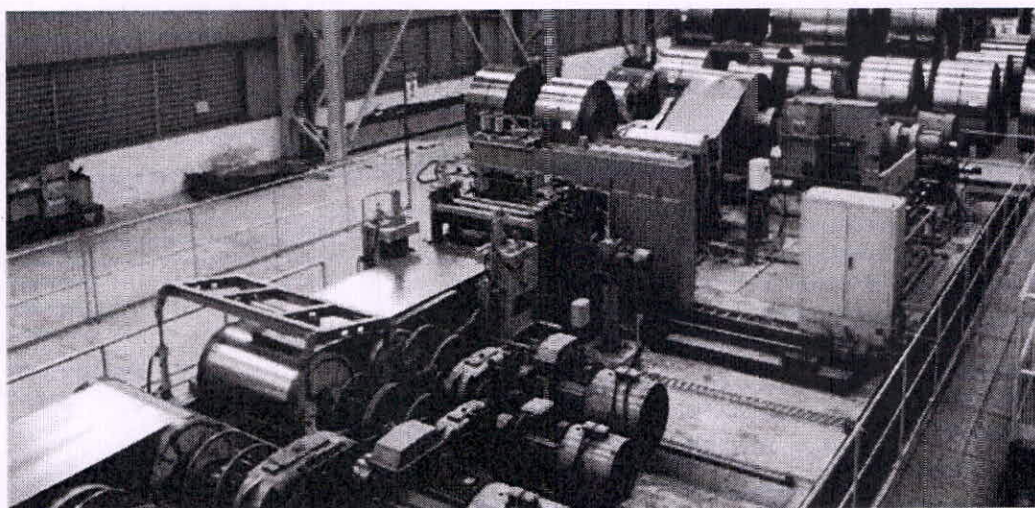
Hình 7: Dây chuyền cán nguội



➤ **Dây chuyền chia cuộn (công suất 100.000 tấn/năm)**

Dây chuyền chia cuộn dùng để phân tách các cuộn tôn thành các cuộn có khối lượng nhỏ hơn, đồng thời phân loại và sửa lỗi sản phẩm. Thiết bị dao xén biên và thiết bị nắn phẳng của BOYA đảm bảo chất lượng đồng đều.

Hình 8: Dây chuyền chia cuộn



➤ **Dây chuyền mạ lạnh/mạ kẽm (tổng công suất 800.000 tấn/năm cho 4 dây chuyền)**

Tôn Đông Á hiện có 04 dây chuyền mạ kẽm/nhôm kẽm đặt tại Trụ sở chính (CK3) và Chi nhánh Thủ Dầu Một (CK4, CK5, CK6).



Dây chuyền mạ kẽm hay mạ hợp kim nhôm kẽm dùng để sản xuất các loại thép mạ kẽm (tôn kẽm), thép mạ nhôm kẽm (tôn lạnh).

Thép cán nguội sau khi đã tẩy rửa bề mặt sẽ được cho qua lò ủ để làm thay đổi cơ tính lá thép theo yêu cầu của khách hàng và làm tăng độ bám dính với lớp mạ. Tiếp theo bằng thép được mạ một lớp nhôm kẽm theo nguyên lý mạ nhúng nóng, sau đó được làm phẳng bề mặt rồi phủ một lớp bảo vệ (antifinger, crom) nhằm tăng cường độ bền.

Dây chuyền được tích hợp nhiều công nghệ sản xuất tiên tiến và hiện đại.

Hình 9: Quy trình sản xuất tôn kẽm/tôn lạnh



- Lò ủ NOF: thiết bị hiện đại đảm bảo chất xử lý bề mặt tuyệt đối sạch và cơ tính theo yêu cầu của nguyên liệu đầu vào trước khi đưa vào chảo mạ. Ngoài ra, lò còn được trang bị cửa chắn bụi kẽm, hệ thống làm ẩm ni-tơ để chống bụi lò. Lò ủ NOF được điều khiển hoàn toàn tự động đảm bảo quá trình nhiệt luyện đạt tối ưu nhằm đạt chất lượng mạ cao nhất.

Hình 10: Hệ thống lò ủ NOF của Tôn Đông Á

